

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ VĂN BÌNH

**QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN CỦA TRIẾT HỌC
VỚI VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
NGÀNH DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2013 | PDF | 106 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng – Năm 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

VÕ VĂN BÌNH

**QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN CỦA TRIẾT HỌC
VỚI VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
NGÀNH DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60.22.80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS LÊ HỮU ÁI

Đà Nẵng – Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Võ Văn Bình

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục của luận văn	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	3
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	7
1.1. QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN	7
1.1.1. Quan điểm toàn diện trong lịch sử triết học	8
1.1.2. Quan điểm toàn diện trong Triết học Mác - Lênin	14
1.2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	23
1.2.1. Ngành Du lịch	23
1.2.2. Phát triển du lịch bền vững	26
1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	31
CHƯƠNG 2. VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH DU LỊCH Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY	35
2.1. NGÀNH DU LỊCH TRONG CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY	35
2.1.1. Tổng quan về thành phố Đà Nẵng	35

2.1.2. Ngành Du lịch trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở Đà Nẵng hiện nay	41
2.1.3. Thực trạng phát triển du lịch ở thành phố Đà Nẵng	49
2.2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH DU LỊCH Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY	60
2.2.1. Mâu thuẫn trong phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng hiện nay	60
2.2.2. Quan điểm toàn diện - điều kiện đảm bảo phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng hiện nay	68
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH DU LỊCH Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY	80
3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH GIẢI PHÁP	80
3.1.1. Mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2020	80
3.1.2. Định hướng chung phát triển ngành Du lịch đến năm 2020	82
3.2. CÁC GIẢI PHÁP	84
3.2.1. Thay đổi nhận thức về phát triển du lịch theo hướng bền vững ..	84
3.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Du lịch	85
3.2.3. Đẩy mạnh liên kết vùng, miền và khu vực	87
3.2.4. Xây dựng kết cấu hạ tầng để ngành Du lịch phát triển bền vững	89
3.2.5. Phối hợp đồng bộ các chủ thể trong mô hình phát triển du lịch bền vững	90
3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	91
KẾT LUẬN	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (bản sao)	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DIFC	: Lễ hội Trình diễn pháo hoa quốc tế
GDP	: Tổng thu nhập quốc nội (<i>Gross Domestic Product</i>)
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
NNL	: Nguồn nhân lực
PTBV	: Phát triển bền vững
PTDL	: Phát triển du lịch

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Cơ cấu kinh tế thành Phố Đà Nẵng từ 2005 đến 2011	42
2.2	Lượng khách đến Đà Nẵng giai đoạn 2001-2012	54
2.3	Số lượng DN KD du lịch ở Đà Nẵng giai đoạn 2001 - 2012	56
3.1	Dự báo doanh thu và GTTT lĩnh vực du lịch đến 2020	81
3.2	Dự báo lượng du khách đến Đà Nẵng qua các năm	82
3.3	Dự báo lượng khách quốc tế đến và thời gian lưu trú tại đà nẵng qua các năm	82

DANH MỤC CÁC HÌNH

Số hiệu hình	Tên biểu đồ	Trang
2.1	Cơ cấu kinh tế thành Phố Đà Nẵng từ 2005 đến 2011	42
2.2	Thời gian lưu trú bình quân của du khách tại các địa phương	55

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Những nguyên lý và quy luật của phép biện chứng duy vật luôn là công cụ quý báu đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người, bởi chúng được khái quát, đúc kết, rút ra từ chính sự phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến chính là cơ sở hình thành quan điểm toàn diện. Quan điểm này đòi hỏi trong nhận thức và hoạt động thực tiễn phải xem xét sự vật trong mối quan hệ biện chứng qua lại giữa các bộ phận, các yếu tố, các mặt của chính sự vật và trong sự tác động qua lại của sự vật đó với các sự vật khác, coi chúng là cơ sở, căn cứ đầy đủ để nhận thức bản chất của sự vật. Quan điểm toàn diện cũng giúp chúng ta tránh được sự nhận thức phiến diện, siêu hình về sự vật.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của các ngành Công nghiệp - Dịch vụ và giảm tỷ trọng các ngành Nông nghiệp là một xu hướng tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) ở nước ta hiện nay. Trong các ngành Dịch vụ, Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Được xem là một ngành công nghiệp không có ống khói, Du lịch đã khẳng định được vai trò của mình thông qua đóng góp ngày càng to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội (KT-XH) trên thế giới cũng như ở nước ta. Với vị trí hết sức thuận lợi và tiềm năng to lớn để phát triển du lịch. Ngành Du lịch ở Đà Nẵng đã đạt được những thành tựu rất đáng tự hào, đóng góp to lớn cho sự phát triển của thành phố. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch ở Đà Nẵng hiện nay vẫn còn nhiều bất cập.

1.3. Với mục đích đi tìm lời giải cho vấn đề phát triển du lịch (PTDL) bền vững trên địa bàn Đà Nẵng - một thành phố với tiềm năng phát triển du lịch to lớn. Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch theo hướng bền vững, việc

vận dụng quan điểm toàn diện chính là một điều kiện đảm bảo tốt nhất cho ngành Du lịch ở Đà Nẵng phát triển theo hướng bền vững. Xuất phát từ cơ sở lý luận là quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm phát triển du lịch bền vững cùng các chủ trương, chính sách PTDL trên địa bàn Thành phố và cơ sở thực tiễn là thực trạng phát triển ngành Du lịch ở Đà Nẵng trong thời gian qua, chúng tôi chọn đề tài: ***“Quan điểm toàn diện của triết học với vấn đề phát triển bền vững ngành Du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay”*** làm luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Triết học, với mong muốn góp phần vào sự phát triển của ngành Du lịch ở Đà Nẵng trong thời gian tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Từ cơ sở lý luận về quan điểm toàn diện trong triết học, luận văn trình bày và luận giải thực trạng phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng. Từ đó, đề xuất phương hướng và biện pháp để thực hiện tốt hơn vấn đề phát triển du lịch theo hướng bền vững ở Đà Nẵng hiện nay.

3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu: Quan điểm toàn diện và việc vận dụng vào chiến lược phát triển bền vững ngành Du lịch ở Đà Nẵng

* Phạm vi nghiên cứu:

- *Về không gian*: Nghiên cứu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, có sự liên hệ đến các địa phương khác trong không gian du lịch miền Trung - Tây Nguyên.

- *Về thời gian*

+ Các số liệu phục vụ đánh giá thực trạng ngành Du lịch trên địa bàn Đà Nẵng: sử dụng các số liệu từ năm 2001 đến 2010.

+ Phần định hướng và các giải pháp phát triển ngành Du lịch: sử dụng số liệu từ chiến lược phát triển ngành Du lịch đến năm 2015 và 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận*: Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu về ngành Du lịch trong mối quan hệ qua lại với hệ thống chính sách phát triển du lịch, hoạt động du lịch với các hoạt động kinh tế - xã hội, và dân sự khác. Quan hệ giữa khai thác tự nhiên, bảo tồn tự nhiên hướng đến phát triển bền vững.

- *Phương pháp nghiên cứu*

+ Phương pháp phân tích và tổng hợp.

+ Phương pháp quy nạp và diễn dịch.

+ Phương pháp logic và lịch sử.

Ngoài ra, Luận văn còn kế thừa các công trình nghiên cứu, các số liệu thống kê và các tài liệu có liên quan.

5. Bố cục của luận văn

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương, 8 tiết.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong những năm qua, vấn đề vận dụng “Quan điểm toàn diện” vào thực tiễn KT-XH và “phát triển bền vững du lịch” ở nước ta đã có nhiều công trình khoa học, bài viết nghiên cứu đề cập.

* Dưới hình thức sách và giáo trình có một số công trình sau:

- Tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” Ph. Ăngghen, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, đã trình bày những quan điểm của Ăngghen về phép biện chứng và khẳng định: Phép biện chứng là khoa học về mối liên hệ phổ biến.

- “Lịch sử phép biện chứng”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002; Quyển sách gồm 6 phần: Phần 1: Lênin nghiên cứu phép biện chứng với tính cách là logic học và lý luận nhận thức; Phần 2: Lênin nghiên cứu phép biện chứng của chủ nghĩa đế quốc. Phép biện chứng của chiến lược và sách lược

của cách mạng xã hội chủ nghĩa; Phần 3: Lênin phát triển phép biện chứng duy vật trong thời kỳ sau cách mạng tháng Mười. Bước đầu của sự quá độ lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Phần 4: Những vấn đề của lý thuyết biện chứng trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; Phần 5: Biện chứng của thời kỳ chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi và chuyển dần lên chủ nghĩa Cộng Sản ở Liên Xô; Phần 6: Sự phát triển phép biện chứng duy tính cách logic học, lý luận nhận thức và phương pháp luận của khoa học.

- Ngoài ra, còn một số công trình khác có đề cập đến nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và quan điểm toàn diện dưới góc độ quan niệm của các nhà triết học trong lịch sử như: (2007), "Lịch sử triết học" của Nguyễn Hữu Vui Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội; "Triết học Hy Lạp cổ đại" của PTS Đinh Ngọc Thạch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999; "Lịch sử Triết học phương Tây" của PGS, TS Nguyễn Tiến Dũng, Nhà xuất bản Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 2009.

- "Du lịch bền vững" (2002) đồng tác giả Nguyễn Đình Hòa - Vũ Văn Hiếu, đề cập đến một số nội dung về mối quan hệ giữa du lịch và môi trường từ đó tập trung vào du lịch bền vững, đưa ra các khái niệm, nguyên tắc, chính sách... của du lịch bền vững. Tác giả cũng đã đề cập đến các vấn đề về du lịch bền vững ở một số vùng sinh thái nhạy cảm và đưa ra những giải pháp phù hợp cho việc phát triển du lịch bền vững.

* Dưới hình thức các bài viết đăng trên các tạp chí, sách báo, kỷ yếu hội thảo:

- Đề tài cấp nhà nước của PGS. TS. Phạm Trung Lương: "*Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*" năm 2002, đã xác định những vấn đề chủ yếu đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam; thử nghiệm xây dựng mô hình phát triển du lịch bền vững trong điều

kiện cụ thể của Việt Nam; đề xuất hệ thống các giải pháp đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong điều kiện Việt Nam. Đề tài khoa học do TS. Hồ Kỳ Minh chủ nhiệm về “*Nghiên cứu phát triển du lịch theo hướng bền vững trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*” đã đem đến một cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề phát triển bền vững trong lĩnh vực du lịch đã trình bày những nội dung cơ bản về phát triển du lịch theo hướng bền vững; đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Đà Nẵng những năm qua; phân tích cạnh tranh về du lịch Đà Nẵng trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế; phân tích và dự báo nguồn khách du lịch đến TP. Đà Nẵng; xác lập quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững; xây dựng mô hình phát triển bền vững du lịch thành phố Đà Nẵng; đề xuất các nhóm giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững trên địa bàn TP. Đà Nẵng đến năm 2020.

- Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, Số 24/2011 dành hẳn một chuyên đề viết về việc “Liên kết phát triển Du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung” trong đó có nhiều bài viết sâu sắc về vấn đề phát triển du lịch ở khu vực Duyên hải miền Trung cũng như du lịch Đà Nẵng.

- Báo Giáo dục & Thời đại số 120 (ngày 16/6/2012) có một chuyên đề phát triển bền vững gồm nhiều bài viết nhấn mạnh đến quá trình đổi mới đất nước từ 1986 đến nay, trải qua gần ba thập kỷ, nền kinh tế đã có nhiều khởi sắc. Trong quá trình tập trung các nguồn lực tăng cường phát triển kinh tế, đôi khi những giá trị bền vững bị xâm hại một cách vô ý thức. Chuyên đề đi đến nhấn mạnh: Đã đến lúc tìm lại sự cân bằng trong phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

- Hội thảo khoa học Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng tháng 9/2011 với chủ đề: Phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; Hội thảo khoa học: “Phát triển nguồn nhân lực cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung” vào tháng 12/2011 và Hội

thảo khoa học: “Phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và Tây Nguyên gắn với yêu cầu tái cơ cấu kinh tế” tháng 6/2012 được tổ chức tại Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng đã có rất nhiều bài viết của các học giả trong và ngoài nước về vấn đề phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và Tây Nguyên hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

* Dưới hình thức các luận văn, luận án, đề tài khoa học có các công trình sau:

- Liên quan đến vấn đề phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng có một số công trình sau: Luận án nghiên cứu sinh của Trần Sơn Hải: “Phát triển nguồn nhân lực ngành Du lịch khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”. Luận văn tốt nghiệp của Hồ Thị Ánh Vân tại Đại học Đà Nẵng năm 2011 về: “Đào tạo nguồn nhân lực ngành du lịch Thành phố Đà Nẵng đến năm 2015 và tầm nhìn 2020”...

Những công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến những vấn đề ít nhiều có liên quan đến quan điểm toàn diện cũng như việc vận dụng vào phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Tuy nhiên, việc vận dụng quan điểm toàn diện với tính cách là phương pháp luận khoa học vào phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng thì chưa được đề cập. Do đó, đề tài có tính cấp thiết từ nhiều phương diện. Luận văn này có nhiệm vụ hệ thống hoá, chọn lọc, phát triển những khái niệm và vấn đề lý luận về quan điểm toàn diện; phân tích thực trạng phát triển và chiến lược phát triển ngành Du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển ngành du lịch ở Đà Nẵng trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

1.1. QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN

Quan điểm toàn diện là nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong phép biện chứng duy vật của triết học Mác - Lênin. Quan điểm này cho rằng, mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới đều tồn tại trong rất nhiều mối liên hệ. Vì vậy, khi nhận thức sự vật, hiện tượng chúng ta phải xem xét nó trong các mối liên hệ với sự vật khác. Nói cách khác, chúng ta phải có quan điểm toàn diện, tránh quan điểm phiến diện, chỉ xem xét sự vật, hiện tượng ở một mối liên hệ đã vội vàng kết luận về bản chất hay tính quy luật của chúng. V.I. Lênin từng chỉ rõ: “Chúng ta không thể làm được điều đó một cách hoàn toàn đầy đủ, nhưng sự cần thiết phải xem xét tất cả mọi mặt sẽ đề phòng cho chúng ta khỏi phạm phải sai lầm và sự cứng nhắc”[16, tr. 364]. Trong giai đoạn hiện nay, với xu thế toàn cầu hóa, sự đa dạng hóa các mối quan hệ trong mọi mặt, quan điểm toàn diện luôn mang tính thời sự. Vì vậy, nhận thức đúng về quan điểm toàn diện và vận dụng nó trong quá trình phát triển là điều vô cùng quan trọng và cần thiết. Để hiểu một cách đúng đắn và sâu sắc về quan điểm toàn diện, phải tìm hiểu kỹ lưỡng cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện trong lịch sử triết học, đặc biệt là nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong phép biện chứng duy vật của triết học Mác - Lênin.

1.1.1. Quan điểm toàn diện trong lịch sử triết học

Trong lịch sử Triết học, trả lời cho câu hỏi: Thế giới xung quanh ta có vô vàn sự vật, hiện tượng và quá trình khác nhau, nhưng giữa chúng có mối liên hệ với nhau hay không? đã có rất nhiều quan điểm khác nhau. Tựu trung lại, có thể chia thành hai nhóm quan điểm trong câu trả lời về mối liên hệ: Đó là quan điểm siêu hình và quan điểm biện chứng.

Những người theo quan điểm siêu hình cho rằng: các sự vật, hiện tượng và quá trình trong thế giới hiện thực tồn tại biệt lập, tách rời nhau, cái này tồn tại bên cạnh cái kia mà không có bất kỳ một sự tác động qua lại nào. Chúng không có sự phụ thuộc, ràng buộc hay làm tiền đề cho nhau. Nếu giữa chúng có sự quy định lẫn nhau thì cũng chỉ là những biểu hiện bề ngoài, mang tính ngẫu nhiên. Đại diện nổi bật của những người theo quan điểm siêu hình về mối liên hệ có thể kể đến các nhà triết học Thomas Hobbes (1588-1679), Rene Descartes (1596-1650) và Baruch Spinoza (1632-1677).

Thomas Hobbes là một nhà triết học duy vật, đứng trên lập trường khoa học tự nhiên, thế giới quan của ông là sự giải thích duy vật cơ giới luận về giới tự nhiên và cả tâm lý của con người. Hobbes cho rằng thế giới khách quan là tổng thể những vật thể riêng lẻ có hình dạng và quảng tính. “Vũ trụ là tổng thể mọi vật thể. Không có một bộ phận thực tại nào của nó mà lại không phải là một vật thể. Vật thể là tất cả những gì không phụ thuộc vào tư duy của chúng ta”. Ông cho rằng, mọi sự vật hiện tượng kể cả con người có cấu tạo giống như những cái máy, bao gồm những bộ phận không có mối liên hệ với nhau, trật tự và sự vận động của chúng được áp đặt từ bên ngoài. Con người như một cơ thể sống mang tính siêu hình rõ rệt, dưới con mắt của ông trái tim con người chỉ như lò xo, dây thần kinh là những sợi chỉ, còn các khớp xương là các bánh xe làm cho cơ thể chuyển động.

Rene Descartes cũng đã nêu lên một số quan niệm về mối liên hệ trong thế giới. Theo ông, kể từ các sự vật nhỏ bé đến các hành tinh xa xôi đều được cấu tạo từ vật chất.

Theo tôi (Descartes), không thể chứng minh hay thậm chí hình dung được rằng có giới hạn của vật chất cấu thành thế giới. Vì khi nghiên cứu bản chất của vật chất, tôi thấy rằng hoàn toàn là ở chỗ vật chất có cảm tính về chiều dài, chiều rộng và chiều sâu. Như vậy tất cả những gì có ba bình diện đó là bộ phận của vật chất. Vì vậy, bản tính vật chất thế giới này là vô hạn. Và cũng không thể có sự khác biệt về vật chất tạo thành giữa mặt trăng và trái đất. Từ đó suy ra vận động ở trên trời và dưới đất là giống nhau. [8, tr. 312].

Theo Descartes, thế giới lúc đầu là sự hỗn mang, thế giới của những hạt vật chất luôn trong tình trạng chuyển động hỗn loạn một cách hỗn độn khắp không gian, vũ trụ. Do trong quá trình tương tác, chúng dần dần tụ lại thành các đám mây xoáy tròn làm tụ lại các hạt vũ trụ mà Descartes gọi là Ête, các hạt này cũng đã tạo nên các hạt vật chất khác nhau, tùy theo mức độ đậm đặc của chúng mà tạo nên các dòng vật chất khác nhau như thể khí, thể lỏng, thể rắn... Cụ thể: *thứ nhất*, các “chất lửa” là một tên gọi ám chỉ các dạng vật chất có mức độ loãng cao nhất, bao phủ toàn bộ khoảng không vũ trụ bao la giữa các hành tinh xa xôi; *thứ hai*, “chất khí” tạo nên các đám mây; *thứ ba*, là các “chất đất” có mật độ vật chất đậm đặc nhất, tạo thành các hành tinh và các vật cứng trên trái đất chúng ta. Vì còn chịu sự tương tác của các luồng gió xoáy trong vũ trụ, cho nên các hành tinh thường có hình cầu.

Với quan điểm vật chất là nguồn gốc của mọi sự vật trong thế giới, kể cả các hành tinh. Vũ trụ không phải bất biến mà là trong một quá trình tiến hóa mang tính quy luật cái hiện hữu là cái đã xuất hiện, hiện hữu là tồn tại trong sinh thành, tất cả điều tuân theo các quy luật nội tại của vật chất. Sự sinh

thành diễn ra trong quá trình vận động xoáy tròn hướng tâm theo quy luật của cơ học. Ông viết:

Tôi chỉ ra bộ phận lớn nhất của vật chất trong sự hỗn loạn đó do có các quy luật cơ học đã phải bố trí một cách xác đáng như thế nào, cách mà nó đã làm cho nó giống với hành tinh của chúng ta. Một số trong các bộ phận đó đã cần cải tạo thành trái đất như thế nào, còn số khác - mặt trời và các vì sao bất động... Tiếp theo tôi chỉ ra núi, biển, nước ngầm và sông đã có thể hình thành một cách tự nhiên, kim loại có thể xuất hiện trong mỏ, cây cối có thể phát triển trên cánh đồng như thế nào. [8, tr. 314].

Quan niệm về con người, ông cũng đồng quan điểm với Thomas Hobbes khi đem quan niệm duy vật máy móc vào giải thích các hiện tượng của đời sống. Ông cho rằng, cơ thể con người và của động vật như một cỗ máy, cơ thể con người cũng như con vật chỉ là một bộ phận chuyển động do tác động của lửa trong tim và được điều hành bởi tinh vật, trong đó mọi cơ quan cấu kết chặt chẽ với nhau tựa như các bộ phận trong chiếc đồng hồ cơ học vậy.

Baruch Spinoza kế thừa chủ nghĩa cơ học của Descartes, đồng nhất quang tính với vật chất. Spinoza không xem vận động và đứng im là các dạng thuộc tính mà đó chỉ là dạng thức vô hạn vì vận động và đứng im là cái vốn có trong mỗi sự vật hiện tượng, điều này đã làm lộ rõ quan điểm siêu hình phải tách rời thực thể với các dạng thức do nó tạo ra. Spinoza quan niệm thế giới là thế giới của sự tồn tại các sự vật riêng lẻ. Trên cơ sở toán học, ông mô tả toàn bộ thế giới có thể hiểu và nhận thức được bằng cách giải quyết từ phương pháp hình học. Về bản thể luận, bên cạnh sự khẳng định thế giới là vô hạn, có tính thống nhất và toàn vẹn, trong đó có các sự vật đơn nhất luôn luôn biến đổi và có sự tác động qua lại lẫn nhau thì Spinoza cũng cho rằng: “thực chất đó chỉ là thế giới kết thúc, trong đó không diễn ra một cái gì mới”. Như

vậy, Spinoza đã không đứng trên một lập trường cụ thể nào mà có cả tư duy biện chứng lẫn siêu hình khi đưa ra cùng một khẳng định. Cũng giống như hai nhà triết học trên, Spinoza đã rơi vào siêu hình trong nhận thức khi tuyệt đối hóa toán học, giống như tính tất yếu của các kết luận toán học, mọi quá trình trong thế giới đều diễn ra như những tất yếu đó.

Theo Spinoza, thực thể luôn mang tính đặc trưng và có tính chất riêng biệt, “mỗi bộ phận riêng biệt của thực thể vật chất toàn vẹn tất yếu phải thuộc về thực thể toàn vẹn và thực thể còn lại thì không thể tồn tại, thì không thể xem xét được”. Thực thể là tuyệt đối và không bị hạn chế bởi bất cứ cái gì, “tồn tại hữu hạn ở trong một chừng mực nào đó là sự phủ định, còn lại tồn tại vô hạn là sự khẳng định tuyệt đối về tồn tại của một tự nhiên nào đó”. Tóm lại, thế giới của Spinoza tồn tại như một thực thể duy nhất, tồn tại bằng nguyên nhân tự nó, vì vậy Thượng đế cũng chính là thực thể, là thế giới mà thôi. Thế giới tồn tại trong thống nhất, toàn vẹn và chính thể, ngoài nó ra thì trên thế giới này không còn có cái gì khác, vì thế thực thể này vô tận về mặt không gian, vô tận về mặt thời gian.

Cũng thuộc quan điểm siêu hình, một số nhà triết học có thừa nhận các sự vật, hiện tượng có mối liên hệ với nhau và mối liên hệ rất đa dạng, phong phú, tuy nhiên giữa chúng không diễn ra được quá trình chuyển hóa lẫn nhau, giữa giới vô cơ và giới hữu cơ không có gì liên hệ lẫn nhau, không thể thâm nhập vào nhau và chúng luôn tồn tại độc lập, tạo nên một ranh giới nhất định với các sự vật khác. Quan điểm siêu hình đã phủ nhận mọi sự biến đổi của giới tự nhiên, sự vật hiện tượng không thể có sự phát triển, nếu có chăng cũng chỉ là tương đối.

Có thể thấy rằng, các nhà triết học theo quan điểm siêu hình đã không thừa nhận sự tồn tại của mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng với nhau. Ăngghen nhận xét: “Đối với những nhà siêu hình học thì những sự vật và

phản ánh của chúng vào trong tư duy, tức là những khái niệm đều là những đối tượng nghiên cứu riêng biệt, cố định, cứng đờ vĩnh viễn, phải xem xét từng cái một, cái này sau cái kia, cái này độc lập với cái kia”[25, tr.96]. Do vậy, họ “chỉ nhìn thấy những sự vật riêng biệt mà không nhìn thấy sự phát sinh và sự tiêu vong của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy trạng thái tĩnh của những sự vật ấy mà quên mất sự vận động của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy cây mà không thấy rừng”[24, tr. 39].

Những nhà triết học đồng quan điểm thừa nhận mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới chiếm số đông trong lịch sử triết học khi thừa nhận mối liên hệ biện chứng giữa các sự vật hiện tượng. Các nhà triết gia Hy Lạp cổ đại đi tìm mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng từ yếu tố bản nguyên hay cơ sở đầu tiên, đó là “nước” (Thales), “khí” (Anaximenes), “Apeiron” (Anaximandre), “lửa” (Hêraclit)... Nhà triết học Hy Lạp Cổ đại Aristoteles đã có bước tiến đáng kể trong nhận thức tính liên hệ và tính biệt lập với tư cách là những thuộc tính phổ biến của tồn tại. Ông đã hình dung tính liên hệ giữa các sự vật khác nhau không chỉ như là tính thống nhất vì cùng chung một nguồn gốc, xuất phát từ một bản nguyên duy nhất, cơ sở đầu tiên. Aristoteles đặc biệt nhấn mạnh rằng, chúng ta phải coi những cái phụ thuộc lẫn nhau là có quan hệ với nhau, liên hệ với nhau. Các nhà triết học Hy Lạp cổ đại có công lao đưa ra thuật ngữ “quan hệ”, nó phản ánh sự “liên hệ” mang tính tất yếu và phổ biến.

Nhà triết học cổ điển Đức *Immanuel Kant* (1724–1804) cho rằng, phạm trù “quan hệ” hợp nhất cả một nhóm phạm trù khác, đặc biệt là các phạm trù thực thể, hiện tượng, nguyên nhân, tác động qua lại. Immanuel Kant chú ý nhiều đến việc phân tích phạm trù quan hệ trong học thuyết phán đoán của ông. Theo ông, bất kỳ một phán đoán nào thì các khái niệm đồng thời vừa liên hệ, vừa biệt lập với nhau. Ông đã có công trong việc phân tích phạm trù liên

hệ và quan hệ trong tư duy, trong lĩnh vực các khái niệm. Tuy nhiên, về thực chất ông lại không thừa nhận các mối liên hệ qua lại có tính quy luật phổ biến trong hiện thực khách quan. Một mặt ông thừa nhận sự tồn tại của thế giới các "vật tự nó" ở bên ngoài con người. Thế giới đó có thể tác động tới các giác quan của chúng ta. Ở điểm này, Kant là nhà duy vật. Nhưng mặt khác thế giới các vật thể quanh ta mà ta thấy được lại không liên quan gì đến cái gọi là "thế giới vật tự nó", chúng chỉ là "các hiện tượng... phù hợp với cái cảm giác và cái tri thức do lý tính của ta tạo ra. Nhưng các cảm giác và tri thức không cung cấp cho ta hiểu biết gì về "thế giới vật tự nó". Nói cách khác, theo Kant, nhận thức con người chỉ biết được hiện tượng bề ngoài mà không xâm nhập được vào bản chất đích thực của sự vật, không phán xét được gì về sự vật như chúng tự thân tồn tại.

G.W.F Hegel (1770 - 1831) nhà biện chứng, đồng thời là nhà triết học duy tâm khách quan. Phương pháp biện chứng của ông là hạt nhân hợp lý, chứa đựng tư tưởng thiên tài về mối liên hệ. Nhưng hạn chế trong hệ thống triết học duy tâm của ông chính là sự phủ nhận tính chất khách quan của những nguyên nhân bên trong, vốn có của sự liên hệ của tự nhiên và xã hội. Ông cho rằng, khởi nguyên của thế giới không phải là vật chất mà là "ý niệm tuyệt đối" hay "tinh thần thế giới". Tính phong phú, đa dạng của thế giới hiện thực là kết quả của sự vận động và sáng tạo của ý niệm tuyệt đối. Ý niệm tuyệt đối tồn tại vĩnh viễn.

Hegel đã có công trong việc phê phán tư duy siêu hình và ông là người đầu tiên trình bày toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử và tư duy dưới dạng một quá trình, nghĩa là trong mối liên hệ của sự vận động, biến đổi và phát triển không ngừng. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là quy luật vận động và phát triển của bản thân tư duy, của ý niệm tuyệt đối.

Như vậy, đã có rất nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về mối liên hệ của các sự vật hiện tượng trong lịch sử triết học. Mặc dù những quan điểm trên chưa phản ánh đúng đắn, chưa có cái nhìn toàn diện về mối liên hệ, thậm chí có những quan điểm sai lầm khi không thừa nhận mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới. Thế nhưng, đó cũng là tiền đề cho Chủ nghĩa Mác kế thừa để xây dựng nên phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Phép biện chứng duy vật được xây dựng trên một hệ thống những nguyên lý, các cặp phạm trù, các quy luật phổ biến của hiện thực. Trong đó, nguyên lý về mối liên hệ phổ biến - cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là một trong những nguyên lý phản ánh thế giới một cách đầy đủ và đúng đắn nhất.

1.1.2. Quan điểm toàn diện trong Triết học Mác - Lênin

Phê phán các quan điểm siêu hình và kế thừa, phát triển các quan điểm biện chứng về mối liên hệ, Friedrich Engels cho rằng, khi chúng ta nghiên cứu giới tự nhiên, lịch sử loài người hay sự hoạt động tinh thần của bản thân chúng ta thì trước mắt chúng ta hiện ra một bức tranh chằng chịt vô tận những mối liên hệ và những tác động qua lại lẫn nhau: trong đó không có cái gì là không vận động, biến hóa, xuất hiện và mất đi. Trong phép biện chứng, khái niệm mối liên hệ dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng và giữa các mặt, các yếu tố, các quá trình trong một sự vật, hiện tượng nào đó. Khái niệm mối liên hệ phổ biến dùng để chỉ tính chất phổ biến của các mối liên hệ. Trong đó, có những mối liên hệ phổ biến nhất là những mối liên hệ tồn tại ở mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy con người và nó thuộc đối tượng nghiên cứu của phép biện chứng duy vật. Đó là mối liên hệ giữa: lượng chất, các mặt đối lập, khẳng định và phủ định, bản chất, hiện tượng... Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, một trong những thuộc tính bản chất của thế giới

vật chất là sự liên hệ phổ biến của các sự vật, hiện tượng mà cơ sở của sự liên hệ qua lại giữa các sự vật, hiện tượng là tính thống nhất vật chất của thế giới. Quan điểm này khẳng định: các sự vật hiện tượng trên thế giới dù có đa dạng, khác nhau như thế nào đi chăng nữa thì chúng cũng chỉ là những dạng tồn tại khác nhau của một thế giới duy nhất là thế giới vật chất. Ngay cả ý thức, tư tưởng của con người vốn là những cái phi vật chất cũng là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao nhất là bộ não người, nội dung của chúng cũng chỉ là kết quả phản ánh của các quá trình vật chất khách quan. Mọi liên hệ có những tính chất sau đây:

Tính khách quan

Chính nhờ sự thống nhất bởi tính vật chất đã tạo nên cơ sở khách quan cho các mối liên hệ của sự vật, hiện tượng. Hơn nữa, phương thức tồn tại, thuộc tính cố hữu của vật chất chính là vận động. Nhờ sự vận động này mà trong quá trình tồn tại, giữa các sự vật, hiện tượng có sự tương tác giữa sự vật này với sự vật khác, chịu sự chi phối và ảnh hưởng lẫn nhau trong một chỉnh thể nhất định và luôn mang tính chất khách quan, nó không lệ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Qua quá trình vận động mà sự vật liên hệ với nhau, từ đó mới bộc lộ được thuộc tính của nó. Như vậy, cùng với vận động thì mối liên hệ là thuộc tính khách quan vốn có của mọi sự vật, con người cũng không thể cản trở sự liên hệ giữa các sự vật, nếu có cũng chỉ trong những giới hạn nhất định. Bộ não người cũng là một dạng vật chất có tổ chức cao luôn bị chi phối bởi chằng chịt các liên hệ khách quan từ bên ngoài, con người không thể bằng năng lực cá nhân mà chống lại những ảnh hưởng đó.

Sự vật, hiện tượng hay một quá trình muốn tồn tại và phát triển thì tự bản thân nó đã mang những mối quan hệ vốn có. Chẳng hạn, trong lưới thức ăn là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau, loài đứng trước là thức ăn của loài đứng sau. Mỗi loài được coi là một mắt xích trong

chuỗi thức ăn, vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước nhưng cũng bị sinh vật mắt xích phía sau tiêu thụ. Các chuỗi thức ăn dày đặc tạo nên các mạng lưới thức ăn (Ví dụ: cỏ → thỏ → sói → xác chết → vi khuẩn → cỏ). Tuy nhiên, mỗi liên hệ là khách quan của mọi sự vật, hiện tượng nhưng không phải mọi sự vật, hiện tượng đều có sự liên hệ với nhau, có thể có sự liên hệ chặt chẽ với sự vật này nhưng lại biệt lập với sự vật khác. Đó chính là *liên hệ phổ biến* và *liên hệ đặc thù* của các sự vật. Những mối liên hệ phổ biến sẽ tồn tại trong cả giới tự nhiên, xã hội và tư duy. Còn mỗi liên hệ đặc thù chính là sự thể hiện mỗi liên hệ phổ biến trong một giới hạn cụ thể.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng, một trong những thuộc tính bản chất của thế giới vật chất là sự liên hệ mang tính khách quan của các sự vật, hiện tượng, các quá trình. Ngay cả trong tư duy, ý thức của con người cũng liên hệ khách quan với các quá trình khác. Vì mỗi liên hệ là vốn có của sự vật, hiện tượng, nó không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người hay thần linh, thượng đế. Trong quá trình lao động sản xuất, mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên được hình thành. Chính quá trình lao động đã giúp con người thiết lập các mối liên hệ để tồn tại và phát triển. Ngoài sự tác động của tự nhiên, con người còn tiếp nhận sự tác động của xã hội và của những người khác.

Trong quá trình nhận thức, con người sử dụng khả năng tư duy của mình để nhận thức và cải tạo thế giới, làm cho thế giới phát triển. Con người bằng nhận thức của mình phát hiện ra quy luật, các mối quan hệ, vận dụng chúng vào hoạt động của mình, giải quyết các mối liên hệ phù hợp nhằm phục vụ nhu cầu lợi ích của xã hội và bản thân con người. Nhưng trước hết, con người cần phải phản ánh đúng thế giới thì mới có khả năng cải tạo thế giới và cải tạo bản thân mình. Bản thân sự vật, hiện tượng cùng với sự liên hệ qua lại với các sự vật, hiện tượng khác là tiền đề để tìm ra bản chất của sự vật, tạo nên vẻ

khác nhau để so sánh với các sự vật khác. Thông qua việc liên hệ các thuộc tính vốn có của sự vật sẽ được bộc lộ, khiến cho sự vật là nó mà không là cái khác, và do đó cũng bộc lộ ra sự độc lập tương đối giữa chúng. Đó cũng chính là quy luật phổ biến trong xã hội loài người. Từ việc quan sát thực tiễn, con người có thể đi đến nhận thức được bản chất của sự vật. Bản chất, khả năng của con người cũng chỉ được thể hiện ra thông qua các mối quan hệ, ảnh hưởng với môi trường xung quanh, khả năng nhận thức với bên ngoài. Tư duy con người muốn trở nên có giá trị cũng không thể tách rời sự liên hệ với môi trường xung quanh, với việc quan sát và hiểu biết thực tiễn. Chính vì lẽ đó, khi bàn về bản chất con người, C. Mác đã nhận định rằng: “Bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng, cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hòa các quan hệ xã hội”[23, tr. 11].

Vì mỗi liên hệ là một thuộc tính khách quan của sự vật, không có sự vật tồn tại riêng lẻ cho nên không thể nhận thức sự vật chỉ ở bản thân của nó, nghĩa là phải nghiên cứu các mối liên hệ của các sự vật với nhau để tìm ra bản chất, quy luật vận động phát triển của sự vật.

Tính phổ biến của mối liên hệ

Thế giới tồn tại trong sự thống nhất của các mối liên hệ trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào; ở bất kỳ không gian nào và ở bất kỳ thời gian nào cũng có mối liên hệ với những sự vật, hiện tượng khác. Ngay trong cùng một sự vật, hiện tượng thì bất kỳ một thành phần nào, một yếu tố nào cũng có mối liên hệ với những thành phần, những yếu tố khác. Chính và vậy, mỗi liên hệ có tính phổ biến.

Quan điểm biện chứng trong triết học Mác - Lênin đã chỉ ra tính phổ biến của sự vật, hiện tượng, quá trình. Theo đó, ở tất cả mọi nơi, mọi sự vật đều diễn ra quá trình liên hệ, có thể có nhiều dạng liên hệ, sự khác nhau về

cách thức, quy mô, giới hạn liên hệ, đó là sự liên hệ đa dạng và sinh động ở trong từng sự vật riêng lẻ hay giữa các sự vật với nhau. Trong tự nhiên không chỉ có sự liên hệ giữa các loài mà còn có sự liên hệ với môi trường xung quanh, giữa đồng hóa và dị hóa, giữa vô cơ với hữu cơ. Xã hội càng phát triển càng không thể tách rời các quan hệ xã hội, xu hướng toàn cầu hóa trong hội nhập và phát triển là minh chứng cho yêu cầu đó. Đời sống xã hội của con người cũng là một chuỗi các liên kết giữa người với người, giữa người với sự biến đổi chính trị, kinh tế hay có sự liên kết trong chính cơ thể sống con người.

Theo quan điểm duy vật biện chứng, dù mối liên hệ của sự vật có sinh động hay có nhiều hình thức thì cũng đều là biểu hiện của mối liên hệ phổ biến nhất, chung nhất. Những hình thức riêng lẻ, cụ thể đã được các nhà khoa học cụ thể nghiên cứu. Phép biện chứng duy vật chỉ nghiên cứu những mối liên hệ chung nhất. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen đã viết “Phép biện chứng là khoa học về sự liên hệ phổ biến”. Trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ăngghen chỉ rõ: “phép biện chứng chẳng qua là môn khoa học của những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và tư duy”[3, tr. 201].

Triết học Mác - Lênin làm sáng tỏ quan điểm của mối liên hệ mang tính phổ biến bằng việc nghiên cứu và đưa ra hệ thống các cặp phạm trù. Phạm trù là những khái niệm chung nhất phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ cơ bản, phổ biến nhất của toàn bộ thế giới hiện thực. Các phạm trù không thể xuất hiện một cách tùy tiện, không được kiểm chứng mà nó là kết quả của sự liên hệ ở nhiều sự vật, hiện tượng, nhiều giai đoạn của quá trình nhận thức. Trong phép biện chứng duy vật bao gồm sáu cặp phạm trù, đó là mối liên hệ giữa cái riêng - cái chung, nguyên nhân - kết quả, tất nhiên - ngẫu nhiên, bản chất - hiện tượng, khả năng - hiện thực, nội dung - hình thức.

Các cặp phạm trù đó được tạo ra bởi sự kết hợp giữa quá trình nhận thức với thực tiễn. Quá trình nhận thức đó cũng là kết quả của việc nghiên cứu tất cả các mặt của sự vật, hiện tượng, nghĩa là bao gồm tính khách quan, phổ biến và tính đa dạng của các mối liên hệ trong sự vật, từ đó mới hình thành những nhận thức đúng đắn. Vì vậy, khi nghiên cứu về mối liên hệ phổ biến trong triết học Mác - Lênin, chắc chắn phải xem xét nó với khía cạnh của các cặp phạm trù biện chứng. Trong đó, khi muốn rút ra được nhận thức một cách có hệ thống, đi từ sự vật đơn lẻ đến tổng hòa các sự vật, từ cái đơn nhất đến cái tổng quát, từ nông cho đến sâu, xem xét sự vận động của sự vật là một quá trình hay phản ánh đúng nội dung của sự vật... thì phải nhận thức đúng đắn về các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật. Vì vậy, Lênin đã nhận định rằng, *các phạm trù là những bậc thang của quá trình nhận thức*. Lênin đã viết:

Trước con người, có màng lưới những hiện tượng tự nhiên. Con người bản năng, con người man rợ, không tự tách mình khỏi giới tự nhiên. Người có ý thức tự tách mình khỏi giới tự nhiên, những phạm trù là những giai đoạn của sự tách khỏi đó, tức là sự nhận thức thế giới. Chúng là những điểm nút của màng lưới giúp ta nhận thức và nắm được màng lưới. [17, tr.102].

Mối liên hệ có tính đa dạng, phong phú

Có rất nhiều mối liên hệ khác nhau như: Mối liên hệ bên trong là mối liên hệ của các yếu tố bên trong bản thân sự vật, cấu thành sự vật, mối liên hệ bên ngoài là sự liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng khác nhau; Mối liên hệ chủ yếu và mối liên hệ thứ yếu, trong đó liên hệ có ảnh hưởng đến thuộc tính của sự vật ở mỗi giai đoạn phát triển nhất định là mối liên hệ chủ yếu. Còn sự tác động không ảnh hưởng đến thuộc tính của sự vật được xem là liên hệ thứ yếu; Mối liên hệ cơ bản và liên hệ không cơ bản, ảnh hưởng đến thuộc tính hay

bản chất của sự vật trong quá trình phát triển. Trong đó, mặt liên hệ nào cấu thành nên bản chất của sự vật thì đó là liên hệ cơ bản, và có sự tác động nhưng ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển của sự vật, không cấu thành thuộc tính của sự vật thì đó là liên hệ không cơ bản; Mỗi liên hệ trực tiếp là liên hệ được xem là gần nhất, trực tiếp tác động đến sự vật hay giữa sự vật này với sự vật khác mà không cần phải có sự mắc nối hay trung gian nào, chúng ảnh hưởng trực tiếp đến sự vận động, tồn tại của sự vật. Còn mỗi liên hệ gián tiếp được xem là sự liên hệ xa, muốn tác động đến sự vật khác cần phải thông qua một khâu trung gian hay phải có một chuỗi liên hệ mắc xích thì mới có sự tác động được; mỗi liên hệ chung, bao quát, quy mô liên hệ có thể ảnh hưởng đến toàn thể giới. Nhưng cũng có những mối liên hệ riêng biệt, sự liên hệ đó giới hạn ở những sự vật riêng lẻ ở từng bộ phận, từng lĩnh vực cụ thể.

Ngoài sự phong phú đa dạng của bản thân các mối liên hệ thì chính sự tồn tại đa dạng, phong phú, muôn màu, muôn vẻ của thế giới hiện thực cũng tạo nên tính chất đa dạng, phong phú của mỗi liên hệ. Mỗi sự vật, hiện tượng khác nhau, tồn tại trong không gian và thời gian khác nhau sẽ tương ứng với các kiểu liên hệ khác nhau. Theo đó, các liên hệ khác nhau sẽ có vị trí, vai trò, tính chất, tác dụng khác nhau đối với từng sự vật trong quá trình tương tác.

Tóm lại, mỗi liên hệ có những tính chất như tính khách quan, tính phổ biến, tính phong phú đa dạng. Từ nhận thức về mỗi liên hệ đã cung cấp cho chúng ta những quan điểm triết học đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới. Trong đó, quan điểm toàn diện là một trong những nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, đòi hỏi con người phải nắm vững trong mọi hoạt động của mình.

Vì bất cứ sự vật, hiện tượng nào trong thế giới đều tồn tại trong mỗi liên hệ với sự vật, hiện tượng khác và mỗi liên hệ rất đa dạng, phong phú, do đó khi nhận thức về sự vật, hiện tượng chúng ta phải có quan điểm toàn diện. Quan điểm toàn diện xuất phát từ những cơ sở lý luận sau:

+ Mỗi liên hệ là một thuộc tính khách quan, cố hữu của sự vật. Do đó, không có bất kì sự vật, hiện tượng nào, bất kì ở đâu, và trong bất kì thời điểm nào sự vật lại nằm ngoài mỗi liên hệ.

+ Cơ sở khách quan của mỗi liên hệ là thế giới thống nhất ở tính vật chất của nó, tạo thành một mỗi liên hệ chằng chịt giữa các sự vật, hiện tượng, kể cả tư duy con người.

+ Mỗi sự vật cụ thể có vô số mỗi liên hệ, các mỗi liên hệ ấy mang tính lịch sử cụ thể.

Từ cơ sở lý luận trên, quan điểm toàn diện gồm ba nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, phải nhìn nhận sự vật là một chỉnh thể của tất cả các mặt, các thuộc tính, các mỗi liên hệ trong bản thân sự vật hiện tượng, giữa sự vật hiện tượng đó với sự vật hiện tượng khác và với môi trường xung quanh.

Thứ hai, cần phân biệt các mỗi liên hệ, chú ý đến các mỗi liên hệ cơ bản, bên trong để nắm bắt được bản chất, quy luật vận động, phát triển của sự vật.

Thứ ba, phải nhận thức được sự ra đời, tồn tại và khuynh hướng phát triển trong tương lai của sự vật, hiện tượng. Thấy rõ sự vận động theo chiều hướng phát triển đi lên của sự vật, hiện tượng nhưng đồng thời cũng cần nhận thức được những biến đổi có tính chất thụt lùi của sự vật, hiện tượng.

Với tư cách là nguyên tắc phương pháp luận trong việc nhận thức các sự vật, hiện tượng, quan điểm toàn diện đòi hỏi chúng ta nhận thức về sự vật trong mỗi liên hệ qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chính sự vật và trong sự tác động qua lại giữa các sự vật đó với các sự vật khác, kể cả mỗi liên hệ trực tiếp và mỗi liên hệ gián tiếp. Chỉ trên cơ sở đó

mới có thể nhận thức đúng về sự vật. Từ chỗ hiểu được bản chất của sự vật, phải quay lại giải thích được các mối liên hệ khác của sự vật rồi liên kết chúng lại thành một hệ thống hoàn chỉnh. Hiểu được thấu đáo sự vật để có giải pháp đồng bộ, đúng đắn, khoa học khi giải quyết sự vật. Nhờ cách xem xét ấy, tư duy có thể tránh được những kết luận phiến diện về sự vật và mới có khả năng nắm bắt bản chất sự vật trong tính toàn vẹn đầy đủ của nó.

Nắm vững quan điểm toàn diện cũng yêu cầu trong nhận thức và thực tiễn hoạt động thực tiễn phải tránh cách xem xét phiến diện, siêu hình, chỉ thấy một mặt, không thấy toàn bộ. Trong quá trình xem xét nghiên cứu về sự vật phải tìm hiểu được bản chất, tìm hiểu những mối liên hệ cơ bản, có thể nghiên cứu từng khía cạnh, từng mặt, từng mối liên hệ để nhận thức thật sâu sắc những mặt, những hiện tượng đó, nhưng đồng thời phải biết khái quát, tổng hợp lại tất cả các mặt, các yếu tố, các quá trình tạo nên sự vật hiện tượng đó. Nếu chia nhỏ sự vật, tìm hiểu nó trong trạng thái tĩnh mà không biết kết nối một cách toàn diện, đặt nó trong sự liên hệ, vận động, phát triển thì sẽ rơi vào quan điểm siêu hình.

Quán triệt quan điểm toàn diện cần tránh *Chủ nghĩa Chiết trung*. Thực chất chủ Chủ nghĩa Chiết trung là kết hợp một cách vô nguyên tắc nhiều mối liên hệ, nhiều sự vật, hiện tượng... không thể kết hợp với nhau được, tạo thành một mớ hỗn độn, không phân biệt cái bản chất với cái không bản chất, cái chủ yếu với cái thứ yếu, dẫn tới lúng túng, chủ quan trong nhận thức. Nhìn bề ngoài thì Chủ nghĩa Chiết trung có vẻ như “toàn diện”, nhưng thực chất là trái với quan điểm toàn diện của phép biện chứng duy vật.

Quan điểm toàn diện cũng khác *Thuật Ngụy biện*. Thuật Ngụy biện cũng chỉ chú ý đến những mặt, những mối liên hệ khác nhau của sự vật nhưng lại đem những mặt, những mối liên hệ thứ yếu làm chủ yếu; chuyển cái cá biệt thành cái phổ biến, đưa cái không cơ bản thành cái cơ bản, cái không bản

chất thành cái bản chất. Nói về sự khác nhau này Lênin chỉ rõ: “Tính linh hoạt đó áp dụng một cách chủ quan bằng chủ nghĩa chiết trung và nguy hiểm. Tính linh hoạt áp dụng một cách khách quan, nghĩa là phản ánh tính toàn diện của quá trình vật chất và sự thống nhất của quá trình đó, thì đó là phép biện chứng, là sự phản ánh chính xác sự phát triển vĩnh viễn của thế giới” [17, tr. 118]. Cả chủ nghĩa chiết trung và thuật nguy hiểm đều là những biểu hiện khác nhau của phương pháp luận sai lầm trong việc xem xét các sự vật, hiện tượng.

Nắm chắc quan điểm toàn diện phải xem xét sự vật, hiện tượng từ nhiều khía cạnh, từ mối liên hệ của nó với sự vật, hiện tượng khác sẽ giúp con người có nhận thức sâu sắc, toàn diện về sự vật và hiện tượng đó, tránh được quan điểm phiến diện về sự vật, hiện tượng mà chúng ta nghiên cứu. Từ đó có thể kết luận về bản chất, quy luật chung của chúng để đề ra những biện pháp, kế hoạch phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động của bản thân.

1.2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

1.2.1. Ngành Du lịch

a. Du lịch

Du lịch được xem là kinh tế trọng yếu của thế giới. Ngày nay, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về Du lịch. Có thể liệt kê một số khái niệm về du lịch như:

- Theo Tổ chức Du lịch Thế giới WTO (World Tourist Organization), một tổ chức thuộc Liên Hiệp Quốc, Du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của những người du hành, tạm trú, trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn; cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục nhưng không quá một năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng loại trừ các du hành mà có mục đích chính là kiếm tiền. Du lịch cũng là một dạng

nghi ngơi năng động trong môi trường sống khác hẳn nơi định cư. [42].

- Du lịch “là một tập hợp các hoạt động và dịch vụ đa dạng, liên quan đến việc di chuyển tạm thời của con người ra khỏi nơi ở thường xuyên của họ nhằm mục đích tiêu khiển, nghỉ ngơi, văn hóa, dưỡng sức,... và nhìn chung là vì những lý do không phải để kiếm sống”. [WTO, 1994].

- Luật Du lịch được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006 đưa ra khái niệm về du lịch: “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”[20]. Đây là định nghĩa có tính khái quát và tính pháp lý. Tác giả sử dụng khái niệm “Du lịch” theo quan điểm này trong quá trình nghiên cứu của mình.

b. Loại hình du lịch

“Loại hình du lịch được hiểu là một tập hợp các sản phẩm du lịch có những đặc điểm giống nhau, hoặc vì chúng thỏa mãn những nhu cầu, động cơ du lịch tương tự, hoặc được bán cho cùng một nhóm khách hàng, hoặc vì chúng có cùng một cách phân phối, một cách tổ chức như nhau, hoặc được xếp chung theo một mức giá nào đó”

Theo cách phân loại của PTS. Trần Nhật trong “Du lịch và kinh doanh du lịch” thì các loại hình du lịch được phân loại như sau:

- Theo phạm vi lãnh thổ của chuyến du lịch được chia thành: Du lịch quốc tế, du lịch nội địa.

- Theo nhu cầu thực hiện hành vi du lịch được phân chia theo các loại hình: Du lịch văn hóa; Du lịch điền dã; Du lịch thể thao; Du lịch chữa bệnh; Du lịch công vụ; Du lịch tôn giáo; Du lịch thăm hỏi; Du lịch quá cảnh; và trong tương lai sẽ xuất hiện thêm loại hình du lịch vũ.

- Căn cứ vào phương tiện vận chuyển khách du lịch được chia thành: Du lịch bằng xe đạp; du lịch mô tô; du lịch tàu hỏa; tàu thủy; ô tô; máy bay; du lịch bằng phương tiện truyền thống như bằng voi; du lịch xe song mã; tứ mã; thuyền rồng; du lịch lạc đà....

- Căn cứ vào thời gian của khách du lịch có thể được chia thành du lịch dài ngày và du lịch ngắn ngày.

- Xét theo phương thức kí kết hợp đồng có du lịch trọn gói và không trọn gói.

- Xét theo thành phần của du khách du lịch được chia thành: du lịch thượng lưu; du lịch bình dân

- Xét theo hình thức tổ chức thì du lịch được chia thành các loại hình như: Du lịch theo đoàn; du lịch theo gia đình; du lịch cá nhân... [28, tr. 76-82]

c. Sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch là các dịch vụ, hàng hóa cung cấp cho du khách, được tạo nên bởi sự kết hợp việc khai thác các yếu tố tự nhiên, xã hội với việc sử dụng các nguồn lực: cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động tại một cơ sở, một vùng hay một quốc gia nào đó.

d. Dịch vụ du lịch

Theo điều 4, chương I Luật Du lịch Việt Nam “Dịch vụ du lịch là việc cung cấp các dịch vụ về lễ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, thông tin, hướng dẫn và các dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch” [19, tr.2]. Dịch vụ du lịch có những đặc điểm chung của dịch vụ: là kết quả mang lại nhờ các hoạt động tương tác giữa những tổ chức cung ứng và khách hàng và thông qua việc đáp ứng nhu cầu khách hàng đó mang lại lợi ích cho tổ chức cung ứng dịch vụ đó. Ngoài ra, dịch vụ du lịch còn có các đặc điểm mang tính đặc thù:

Thứ nhất, tính phi vật thể - đây là đặc điểm quan trọng nhất của dịch vụ du lịch.

Thứ hai, tính đồng thời trong sản xuất và tiêu dùng sản phẩm dịch vụ.

Thứ ba, khách hàng là một bộ phận của cả quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Thứ tư, quyền sở hữu không được chuyển giao khi mua và bán.

1.2.2. Phát triển du lịch bền vững

a. Phát triển bền vững

Phát triển bền vững (PTBV) kinh tế - xã hội là một nội dung cốt lõi trong lý thuyết phát triển của nhân loại trong nhiều năm qua và hiện nay đã trở thành xu thế chung của các quốc gia hướng tới. Khái niệm PTBV xuất hiện vào khoảng thập kỷ 80 của thế kỷ 20 với ý nghĩa cơ bản là: sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Đây là quá trình phải bảo đảm có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Việt Nam đã tham gia và cam kết thực hiện phát triển bền vững thông qua việc ban hành và tích cực thực hiện quyết định 187-CT về “Kế hoạch quốc gia về môi trường và PTBV giai đoạn 1991-2000” ngày 12 tháng 6 năm 1991. Vấn đề bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, thể hiện qua chỉ thị 36-CT/TƯ ngày 25 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị. Trong đó nhấn mạnh: “Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững”. Quan điểm PTBV đã được tái khẳng định trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam và trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền

vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”. Đây là những tiền đề quan trọng cho quá trình phát triển bền vững ở nước ta.

Hiện nay, trong cách tiếp cận về PTBV đã xuất hiện quan niệm mới, cho rằng, trụ cột của phát triển bền vững không chỉ là ba thành tố kinh tế - xã hội - môi trường, mà phải được mở rộng hơn về nội hàm với nội dung cần bổ sung thêm, có thể là bốn, thậm chí là năm thành tố. Với đặc điểm KT-XH hiện nay ở Việt Nam, việc xác định nội hàm của phát triển không chỉ là bền vững mà cần kết hợp với phát triển nhanh, để tránh sự tụt hậu ngày càng xa so với khu vực và thế giới. Theo cách tiếp cận này, thì sự phát triển bền vững cần phải bổ sung thêm năm trụ cột của sự phát triển bền vững. Đó là: kinh tế phồn vinh, xã hội hài hòa, văn hóa lành mạnh, chính trị ổn định và môi trường trong sạch. Năm trụ cột của sự phát triển bền vững có mối quan hệ tác động qua lại khăng khít với nhau.

Như vậy, ở Việt Nam, trên cơ sở kế thừa khái niệm PTBV của nhân loại đã có sự phát triển về lý luận khái niệm PTBV trong giai đoạn phát triển hiện nay. Trong đó nhấn mạnh quan điểm phát triển nhanh và bền vững trở thành cơ bản, bao trùm, xuyên suốt trong chiến lược phát triển đất nước, trở thành mục tiêu nhất quán và là phương châm suy nghĩ trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta, cũng như của toàn dân trong hành động vào những thập niên sắp tới nhằm giúp cho Việt Nam thực hiện CNH-HĐH thành công.

b. Phát triển du lịch bền vững

Du lịch đã và đang phát triển với tốc độ rất nhanh, hàng loạt sản phẩm du lịch ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Nhu cầu mỗi cá nhân ngày càng tăng theo xu hướng phát triển của xã hội, họ thích những dịch vụ sang trọng, độc đáo, chi phí hợp lý, giao thông thuận lợi, đảm bảo an ninh và

đặc biệt là vấn đề môi trường mà họ muốn hưởng thụ cùng với những dịch vụ du lịch phong phú, đa dạng cung cấp cho họ.

Mặt khác, PTDL là một trong những chiến lược mà các quốc gia đều hướng tới nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, thực hiện CNH-HĐH đất nước. Du lịch là một hiện tượng mang tính toàn cầu và cũng là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội và chính trị của nhiều quốc gia.

Du lịch mang tính hai mặt, ngoài khả năng đóng góp tích cực cho phát triển KT-XH, đồng thời nó cũng một phần làm cho môi trường bị xuống cấp và dần mất đi đặc thù của mỗi địa phương. Nguồn lực làm cơ sở phát triển du lịch rất dễ mất đi và nhu cầu cải thiện môi trường ngày càng tăng. Hiện nay, sự biến đổi khí hậu gây ra nhiều hiện tượng ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và đây là vấn đề đặt ra cho nhân loại. Phát triển du lịch cũng cần quan tâm đến vấn đề này, nó liên quan đến việc xây dựng chiến lược, chương trình PTDL nhằm mang lại hiệu quả tối ưu, hay phát triển du lịch nhưng phải bền vững. Điều này có nghĩa là PTDL nhưng về mặt sinh thái phải đảm bảo lâu dài, có hiệu quả về khía cạnh kinh tế, đảm bảo sự công bằng về mặt xã hội, hoà nhập vào phát triển bền vững với môi trường tự nhiên.

Tiêu chuẩn du lịch bền vững toàn cầu hướng tới các mục tiêu chính là hoạch định phát triển bền vững và hiệu quả, nâng cao lợi ích KT-XH cho cộng đồng địa phương, gìn giữ di sản văn hóa và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường. Để PTDL bền vững, chúng ta cần quan tâm tới nhiều khía cạnh, trong đó việc xây dựng chính sách sử dụng tài nguyên một cách hợp lý là một yếu tố đáng được quan tâm hàng đầu.

Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới, không thể đứng ngoài dòng chảy đó. Vì vậy, đối với Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng cũng như các địa phương khác cần có sự nhìn nhận lại quá trình phát triển kinh tế

xã hội, bảo vệ môi trường, các vấn đề an sinh xã hội và những vấn đề khác đã mang tính bền vững hay chưa?. Trong những năm gần đây, nhiều hội thảo khoa học được tổ chức bàn luận rất nhiều vấn đề về PTDL bền vững. Công trình nghiên cứu cấp nhà nước “Cơ sở khoa học cho phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam” (2000-2002) do Viện nghiên cứu phát triển Du lịch thuộc Tổng cục Du lịch chủ trì mang tính hệ thống và có giá trị cao nhất cho đến nay.

Tổng cục Du lịch đã phối hợp với Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Thế giới (IUCN), Tổ chức phát triển Hà Lan triển khai nghiên cứu du lịch bền vững dưới góc độ cộng đồng tại Sapa, A Lưới...và Đồng Nai là địa phương đầu tiên đã và đang triển khai nghiên cứu đề tài cấp tỉnh về PTDL bền vững trong mối quan hệ với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Mặc dù còn những quan điểm chưa thật sự thống nhất về khái niệm phát triển du lịch bền vững, cho đến nay đa số ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực có liên quan khác ở Việt Nam đều cho rằng:

“Phát triển du lịch bền vững là một hoạt động khai thác một cách có quản lí các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn văn hóa để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai; cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương”[21].

c. Mục tiêu và nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

Phát triển du lịch bền vững cần hướng tới việc đảm bảo đạt được 3 mục tiêu cơ bản sau:

- Đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế: Đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển ổn định lâu dài về mặt kinh tế của du lịch, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế của quốc gia và cộng đồng.

- Đảm bảo sự bền vững về tài nguyên và môi trường: Thể hiện ở việc sử dụng hợp lý các tiềm năng tài nguyên và điều kiện môi trường. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch cho phát triển cần được quản lý sao cho không chỉ thoả mãn nhu cầu hiện tại mà còn đảm bảo cho nhu cầu phát triển du lịch qua nhiều thế hệ. Bên cạnh đó trong quá trình phát triển, các tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sẽ được hạn chế đi đôi với những đóng góp cho nỗ lực tôn tạo tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự bền vững về xã hội: Theo đó sự phát triển du lịch có những đóng góp cụ thể cho phát triển xã hội, đảm bảo sự công bằng trong phát triển.

Để đảm bảo đạt được 3 mục tiêu cơ bản trên, PTDL bền vững cần tuân thủ 10 nguyên tắc và những nguyên tắc này cần được triển khai trong toàn bộ lĩnh vực phát triển du lịch. Theo Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới IUCN đã đưa ra 10 nguyên tắc của du lịch bền vững, đó là:

+ Sử dụng nguồn tài nguyên một cách bền vững.

+ Giảm tiêu thụ quá mức và xả thải nhằm giảm chi phí khôi phục các suy thoái môi trường, nâng cao chất lượng du lịch.

+ Phát triển phải gắn liền với bảo tồn tính đa dạng.

+ Phát triển du lịch phải lồng ghép với quy hoạch phát triển của địa phương, quốc gia.

+ Du lịch phải hỗ trợ các hoạt động kinh tế địa phương cũng như hạn chế tối thiểu thiệt hại môi trường.

+ Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương.

+ Tăng cường sự trao đổi tham khảo ý kiến cộng đồng địa phương và các chủ thể có liên quan đảm bảo tính lâu dài trong giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch.

+ Đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trong hoạt động du lịch, nhằm cải thiện các sản phẩm du lịch.

+ Phát huy trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin cho du khách một cách đầy đủ để nâng cao sự tôn trọng của du khách đến môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa khu du lịch.

+ Triển khai các hoạt động nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề đảm bảo lợi ích cho các chủ thể liên quan.[15, tr. 64-65].

1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

Nắm bắt được các nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ các nguyên lý, quy luật của phép biện chứng duy vật có ý nghĩa rất quan trọng nhưng vận dụng nó vào hoạt động thực tiễn của con người lại càng quan trọng hơn. Vậy mới đảm bảo được nguyên tắc lý luận gắn với thực tiễn, học đi đôi với hành. Xuất phát từ yêu cầu đó, việc vận dụng quan điểm toàn diện vào các lĩnh vực của đời sống KT-XH là một trong những điều kiện đảm bảo cho sự phát triển một cách hợp quy luật nhằm hướng tới mục tiêu của con người. Phát triển du lịch cũng không nằm ngoài quy luật chung đó. Để PTDL, bên cạnh việc khai thác những nhân tố khách quan lẫn chủ quan còn phải quan tâm đến những phương pháp, cách thức, quan điểm... để không chỉ khai thác một cách hiệu quả mà còn phải hướng tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững theo định hướng phát triển du lịch của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Nắm vững quan điểm toàn diện cần phải xem xét toàn diện các mối liên hệ. Phải nhận thức ngành Du lịch trong tính chỉnh thể của nó, trong tính nhiều mặt và sự tác động qua lại quy định lẫn nhau, chi phối lẫn nhau của du lịch với các chủ thể khác. Trong tổng số các mối liên hệ, phải rút ra được những mối liên hệ bản chất, chủ yếu của ngành Du lịch. Từ bản chất phải quay lại hiểu rõ toàn bộ ngành Du lịch trên cơ sở liên kết mối liên hệ bản chất, chủ yếu với tất cả các mối liên hệ khác của nó để đảm bảo tính đồng bộ khi giải quyết mọi vấn đề cũng như trong việc hoạch định chính sách.

sức đa dạng, phong phú đó để đi vào nghiên cứu những mối quan hệ cơ bản, trọng tâm nhất. Do đó, khi nghiên cứu về PTDL bền vững, chúng ta chỉ đi sâu nghiên cứu ba mối liên hệ cơ bản nhất, cũng chính là ba mối quan hệ biện chứng và là trụ cột cơ bản của phát triển du lịch bền vững là:

- + Đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế
- + Đảm bảo sự bền vững về tài nguyên và môi trường
- + Đảm bảo sự bền vững về xã hội

Để phát triển du lịch bền vững, cần tác động vào những mối liên hệ nội tại của ngành Du lịch cũng như những mối liên hệ qua lại giữa ngành Du lịch với nền KT-XH và môi trường, để biến đổi những mối liên hệ đó theo hướng tích cực. Muốn vậy, phải sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp, nhiều phương tiện khác nhau để tác động nhằm thay đổi những liên hệ tương ứng. Chẳng hạn như: Sự phát triển của du lịch sẽ tác động đến môi trường theo hai hướng, tích cực và tiêu cực. Do vậy, để phát triển bền vững, con người cần có các cách thức, phương pháp tác động vào sự liên hệ này theo hướng phát huy yếu tố gìn giữ, bảo vệ môi trường và hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường. Bên cạnh việc phát triển một cách toàn diện thì phát triển bền vững ngành du lịch cũng cần hướng tới những khâu mũi nhọn, những loại hình du lịch, không gian du lịch có tính đột phá để tạo động lực cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Như vậy, giữa quan điểm toàn diện và phát triển du lịch bền vững có mối quan hệ với nhau. Đây là mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, giữa việc học tập và vận dụng những nguyên lý, quy luật của phép biện chứng vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Chính vì vậy, quán triệt quan điểm toàn diện trong việc PTDL bền vững vừa mang ý nghĩa phương pháp luận, vừa mang ý nghĩa thực tiễn. Vận dụng quan điểm toàn diện trong việc phát triển du lịch bền vững có ý nghĩa quyết định đến tính đúng đắn, hợp lý

mà mục tiêu của PTDL bền vững đặt ra, đặc biệt là mục tiêu của phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã trình bày sơ lược cơ sở hình thành của quan điểm toàn diện trong lịch sử triết học. Các quan điểm trong lịch sử triết học về mối liên hệ mặc dù chưa hoàn thiện, thế nhưng đó cũng là tiền đề cho Chủ nghĩa Mác kế thừa để xây dựng nên phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trong đó có nguyên lý về mối liên hệ phổ biến - là cơ sở hình thành nên quan điểm toàn diện.

Nội dung chương 1 cũng đã trình bày những khái niệm cơ bản về du lịch, khái niệm phát triển bền vững, sự kế thừa và phát triển mô hình phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay, đó là sự kết hợp giữa phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội. Từ khái niệm phát triển bền vững, chúng tôi cũng trình bày nội dung và nguyên tắc của việc phát triển du lịch bền vững.

Trên cơ sở lý luận là quan điểm toàn diện của triết học và phát triển du lịch bền vững, tác giả đi tìm mối liên hệ giữa hai khái niệm: đó là mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, giữa việc học tập và vận dụng những nguyên lý, quy luật của phép biện chứng vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

CHƯƠNG 2

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH DU LỊCH Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.1. NGÀNH DU LỊCH TRONG CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.1.1. Tổng quan về thành phố Đà Nẵng

** Đặc điểm tự nhiên*

- Vị trí địa lý

Thành phố Đà Nẵng nằm ở 15°55' đến 16°14' vĩ Bắc, 107°18' đến 108°20' kinh Đông, Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, Đông giáp Biển Đông. Thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên là 1.255,53 km²; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 213,05 km², các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.042,48km².

Nằm ở vào trung độ của đất nước, trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cách Thủ đô Hà Nội 764km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 964km về phía Nam. Ngoài ra, Đà Nẵng còn là trung điểm của 4 di sản văn hoá thế giới nổi tiếng là cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn và Rừng quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Trong phạm vi khu vực và quốc tế, thành phố Đà Nẵng là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua Hành lang kinh tế Đông Tây với điểm kết thúc là Cảng biển Tiên Sa. Nằm ngay trên một trong những tuyến đường biển và đường hàng không quốc tế, thành phố Đà Nẵng có một vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững.

- Địa hình

Địa hình Đà Nẵng vừa có đồng bằng vừa có núi, với $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi. Vùng núi cao và dốc tập trung ở phía Tây và Tây Bắc, có nhiều dãy núi chạy dài ra biển, một số đồi thấp xen kẽ những đồng bằng hẹp. Địa hình đồi núi có độ cao khoảng từ 700-1.500m, độ dốc lớn, là nơi tập trung nhiều rừng đầu nguồn và có ý nghĩa bảo vệ môi trường sinh thái của Thành phố, đồng thời là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình Du lịch sinh thái

Hệ thống sông ngòi khá dày đặc, ngắn và dốc, bắt nguồn từ phía Tây, Tây bắc và tỉnh Quảng Nam. Đồng bằng ven biển là vùng đất thấp chịu ảnh hưởng của biển bị nhiễm mặn, là vùng tập trung nhiều cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, quân sự, đất ở và các khu chức năng của Thành phố. Chính vì vậy, Đà Nẵng còn được gọi là một Thành phố Biển.

- Khí hậu

Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhiệt độ cao và ít biến động. Khí hậu Đà Nẵng là nơi chuyển tiếp đan xen giữa khí hậu miền Bắc và miền Nam, với tính trội là khí hậu nhiệt đới điển hình ở phía Nam. Mỗi năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài từ tháng 8 đến tháng 12 và mùa khô từ tháng 1 đến tháng 7, thỉnh thoảng có những đợt rét mùa đông nhưng không đậm và không kéo dài. Chế độ ánh sáng, mưa ẩm phong phú, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25,9 độ C. Riêng vùng rừng núi Bà Nà ở độ cao gần 1.500m, nhiệt độ trung bình khoảng 20 độ C điều kiện lý tưởng cho việc nghỉ ngơi, giải trí. Tuy nhiên, mùa mưa, bão lại tập trung vào các tháng 10, 11, 12 là thời điểm khách quốc tế du lịch mạnh, nên làm hạn chế việc thu hút khách du lịch.

- Nguồn nước

Đà Nẵng có hệ thống nước mặt và nước ngầm rất phong phú. Nước ngầm và nước mặt đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ở khu vực đô thị và ven thành phố.

- Tài nguyên biển, ven biển, Đảo

Đà Nẵng có chiều dài bờ biển hơn 70km với nhiều bãi tắm đẹp kéo dài từ chân đèo Hải Vân cho đến Non Nước. Đà Nẵng có nhiều bãi tắm đẹp như Non Nước, Mỹ Khê, Nam Ô, Làng Vân với nhiều cảnh quan thiên nhiên kỳ thú. Nước biển trong xanh bốn mùa, ấm và độ sóng êm nên du khách có thể tắm gần như quanh năm. Ở khu vực quanh bán đảo Sơn Trà có những bãi san hô lớn, thuận lợi cho việc phát triển loại hình du lịch lặn biển.

Vịnh Đà Nẵng nằm chắn bởi sườn núi Hải Vân, Sơn Trà, mực nước sâu, thuận lợi cho việc xây dựng cảng lớn và một số cảng chuyên dùng khác, là nơi trú đậu tránh bão của các tàu có công suất lớn. Hơn nữa, Đà Nẵng nằm trên các tuyến đường biển quốc tế nên rất thuận lợi cho việc giao thông đường thủy.

Huyện đảo Hoàng Sa là một đơn vị hành chính thuộc thành phố Đà Nẵng bao gồm quần đảo Hoàng Sa, được thành lập năm 1982 thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và sau này trực thuộc Đà Nẵng ngày 23 tháng 1 năm 1997 theo Nghị định số 07/1997/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam.

- Tài nguyên rừng, núi, đồi

Rừng ở Đà Nẵng tập trung chủ yếu ở cánh Tây huyện Hòa Vang, một số ít ở quận Liên Chiểu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn. Đà Nẵng có các khu bảo tồn thiên nhiên đặc sắc như: Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà, khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà và khu văn hóa lịch sử môi trường Nam Hải Vân với hàng trăm loài động, thực vật, khí hậu đặc trưng thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nghiên cứu..., có thể tổ chức được nhiều hoạt động ngắm cảnh trời mây, sông nước, biển cá, đồng quê...và tổ chức các hoạt động du lịch mạo hiểm...

- Tài nguyên du lịch

Thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho Đà Nẵng nhiều danh lam thắng cảnh

kỳ thú như: Ngũ Hành Sơn, Bà Nà - Núi Chúa, bán đảo Sơn Trà, đèo Hải Vân, Suối Lương, Suối Hoa... có giá trị lớn để khai thác, phát triển các loại hình Du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng phục vụ du khách.

*** Đặc điểm kinh tế**

- Sự phát triển kinh tế

Tổng sản phẩm nội địa (GDP) của thành phố Đà Nẵng năm 2010 đạt 10.400 tỉ đồng, tăng bình quân 11%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2011 ước đạt 2283 USD, gấp 2,2 lần so với năm 2005 và bằng 1,6 lần mức bình quân chung cả nước.

Đà Nẵng có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đứng đầu Việt Nam liên tiếp trong 3 năm 2008, 2009 và 2010, đồng thời đứng đầu về chỉ số hạ tầng, xếp thứ 4 về môi trường đầu tư. Trong bảng xếp hạng về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2012, Đà Nẵng xếp ở vị trí thứ 12/63 tỉnh thành [35]. Tính đến tháng 5 năm 2010, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Đà Nẵng đạt gần 2,7 tỷ USD và vốn thực hiện ước đạt 1,3 tỷ USD với 99 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động. Hiện vốn đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài có 80% đổ vào xây dựng khu đô thị, du lịch và căn hộ biệt thự cao cấp.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ trong GDP năm 2009 đạt 50,5%; công nghiệp - xây dựng đạt 46,5% và nông nghiệp đạt 3%. Cơ cấu lao động chuyển biến tích cực, đến năm 2010, tỷ lệ lao động nông nghiệp (thủy sản - nông - lâm) ước còn 9,6%, lao động công nghiệp - xây dựng là 35,1% và dịch vụ 55,3%.

- Cơ sở hạ tầng

+ Mạng lưới giao thông: Đà Nẵng có sự phát triển triển đồng bộ của hệ thống giao thông bao gồm giao thông đường hàng không, đường bộ, đường

sát và đường thủy tạo điều kiện thuận lợi cho sự vận chuyển người và hàng hóa từ khắp Việt Nam và trên thế giới đến với Đà Nẵng.

+ Hệ thống thông tin truyền thông: Là một trong ba trung tâm lớn về bưu chính - viễn thông của cả nước, nằm trên đường cáp quang quốc tế, có Đài Cáp biển quốc tế nằm trên địa bàn phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đủ khả năng đáp ứng một cách đầy đủ nhất các yêu cầu của mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố và khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

+ Hệ thống điện nước: Đà Nẵng nhận điện từ nhà máy thủy điện Hòa Bình qua đường dây 500KV Bắc Nam, lượng điện này đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Thành phố đang đầu tư thêm cho việc mở rộng và đổi mới hệ thống lưới dẫn điện này. Đà Nẵng đang được cấp điện qua trạm biến áp 220/110 KV gồm 2 máy biến áp 220/110 KV - 125 MVA.

Đà Nẵng có 4 nhà máy cung cấp nước là nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay, Sơn Trà và Hải Vân với tổng công suất thiết kế 90.000m³/ngày đêm, đang khai thác 105.000m³/ngày đêm.

*** Đặc điểm văn hóa - xã hội**

Thành phố Đà Nẵng có 6 quận, 2 huyện với tổng dân số đến cuối năm 2005 là 781.023 người, trong đó dân số 6 quận nội thành là 673.346 người, chiếm 86.21%. Mật độ dân số chung là 622 người /km². Dân cư phân bố không đều giữa các quận nội thành. Dân số nông thôn chiếm 13.78%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2005 là 11.79%.

Năm 2005, tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân là 386.487 người, chiếm 49.52% dân số, tỷ lệ thất nghiệp là 5.05%. Công nhân kỹ thuật chiếm 25.10%, lao động trình độ trung học chiếm 7.51%, lao động trình độ Cao đẳng, Đại học chiếm 14.50% lực lượng lao động. Số lượng lao động cao, có khả năng tiếp thu những thành tựu mới về Khoa học công nghệ.

Đà Nẵng có nhiều trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp nhất miền Trung và Tây Nguyên. Trong đó có 03 trường đào tạo hệ đại học ngành Quản trị kinh doanh du lịch và 03 trường đào tạo hệ cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh khách sạn, lữ hành, nhà hàng. Ngoài ra, còn có hệ thống trường trung cấp và trường nghề, đặc biệt là trường dạy nghề Việt - Úc chuyên đào tạo lao động ngành Du lịch được đánh giá khá cao. Thành phố cũng đang tích cực phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung phát triển trường Cao đẳng nghề Du lịch Đà Nẵng.

Người dân Đà Nẵng nhìn chung có tính cách mộc mạc, dễ gần, hiếu khách. Tạo môi trường xã hội thân thiện và an toàn đối với khách du lịch khi đến Đà Nẵng.

Đà Nẵng là nơi giao lưu và hội tụ những nét văn hóa của nhiều vùng, miền trong cả nước với các di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng như: Bảo tàng Chăm, Bảo tàng Quân khu V, Bảo tàng Đà Nẵng, Đình làng Túy Loan, Thành Điện Hải, Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Đình... rất có tiềm năng trong việc phát triển loại hình du lịch văn hóa của Thành phố cũng như của khu vực miền Trung.

Các lễ hội: Các lễ hội lớn được tổ chức hàng năm tại Đà Nẵng như lễ hội Quán Thế Âm, lễ hội Cầu Ngự, lễ hội Đình làng Túy Loan, lễ hội Trình diễn pháo hoa quốc tế... thu hút rất nhiều người đến tham quan. Nghề và làng nghề thủ công truyền thống: Đến nay, Đà Nẵng còn giữ lại cho mình những làng nghề truyền thống như làng đá mỹ nghệ Non Nước, làng nước mắm Nam Ô, làng dệt chiếu Cẩm Nê... Các làng nghề hiện tại không chỉ đơn thuần là sản xuất, mà nó còn được đưa vào hoạt động du lịch văn hóa, góp phần nâng cao giá trị kinh tế, duy trì sự tồn tại và phát triển của các làng nghề. Ngoài các làng nghề đã kể đến, trên địa bàn Thành phố còn có các sản phẩm truyền thống như: Bánh tráng Túy Loan, nón La Bông, khô mè Cẩm Lệ, nhưng chỉ phát triển nhỏ lẻ và hạn chế.

2.1.2. Ngành Du lịch trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở Đà Nẵng hiện nay

Quá trình phát triển du lịch ở Đà Nẵng hiện nay, cần phải thấy được vai trò, vị trí của ngành Du lịch và các đối tượng, các thành phần, yếu tố liên quan đến du lịch để có phương pháp, cách thức tác động nhằm đạt được hiệu quả cao nhất và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trong phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng hiện nay, các yếu tố mà chúng ta cần quan tâm làm rõ là: Mối liên hệ giữa ngành Du lịch với các ngành Kinh tế, với Văn hóa - Xã hội và tài nguyên môi trường.

a. Ngành du lịch trong mối liên hệ với các ngành kinh tế

Sự phát triển của Thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua có sự đóng góp rất to lớn của ngành Du lịch. Thu ngân sách của Ngành luôn vượt kế hoạch hàng năm, năm 2008 đã thu được 456 tỷ đồng tăng gấp 1,9 lần so với năm 2005, chiếm 15% thu ngân sách của toàn tỉnh. Các ngành Du lịch Dịch vụ tăng bình quân hàng năm 12%, trong đó về du lịch có thêm nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển đa dạng các Loại hình du lịch, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia, thu hút được nhiều dự án, trong đó có một số dự án có quy mô lớn như: Khu du lịch 5 sao Furama, khu du lịch Sandybeach, khách sạn Hoàng Anh Gia Lai..., khách du lịch trong và ngoài nước đến với thành Phố Đà Nẵng tăng bình quân 15% đến 20%/năm. Nhiều ngành Dịch vụ và các chi nhánh Ngân hàng thương mại phát triển mạnh mẽ, đến nay trên địa bàn Thành phố đã có các chi nhánh của trên 10 Ngân hàng thương mại cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương.

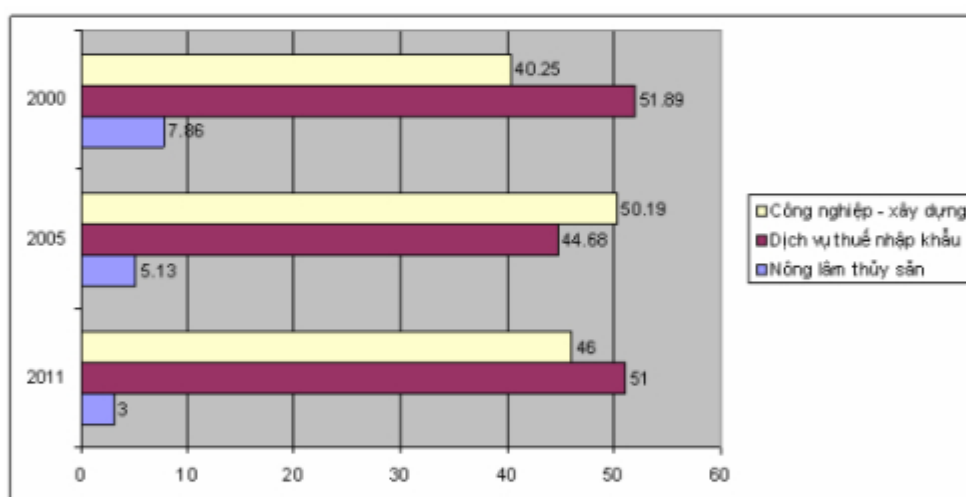
Ngành du lịch, dịch vụ phát triển đã làm cho cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành Du lịch, Dịch vụ và Công nghiệp: Tỷ trọng Công nghiệp trong GDP từ 35,3% năm 2005 đã nâng lên 40,9% năm 2009, tỷ trọng Du lịch, Dịch vụ tăng từ 37,82% lên 41,1%, tỷ

trọng Nông nghiệp giảm từ 26,9% xuống còn 18%, tỷ trọng thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tăng từ 64,4% lên 67%.[31].

Bảng 2.1. Cơ cấu kinh tế thành phố Đà Nẵng từ 2005 đến 2011

Chi tiêu	Cocấu (%)				
	2000	2005	2007	2009	2011
Cơ cấu tổng sản phẩm (%)	100	100	100	100	100
Công nghiệp, xây dựng	40,25	35,3	38,60	40,9	46
Du lịch, dịch vụ	51,89	37,8	39,50	41,1	51
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	7,86	26,9	21,90	18	3

Nguồn: Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng



Hình 2.1. Cơ cấu kinh tế thành phố Đà Nẵng từ 2005 đến 2011

Những số liệu trên cho thấy vai trò của ngành Du lịch đối với kinh tế Đà Nẵng trong thời gian qua đã có những đóng góp ngày càng to lớn. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế của Đà Nẵng đang có những bước đi đúng hướng, phù hợp với định hướng, yêu cầu của thời kỳ CNH-HĐH Thành phố, cũng như Nghị quyết của Thành ủy và Quy hoạch tổng thể KT-XH thời kỳ 2001 - 2010 đã được Chính phủ phê duyệt là “Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp”. Điều đó thể

hiện qua tỷ trọng của hai ngành Công nghiệp - Xây dựng và Dịch vụ là 2 nhóm ngành chiếm tỷ trọng cao trong tổng GDP kinh tế của Thành phố. Năm 2005, nhóm ngành Công nghiệp - Xây dựng chiếm hơn 50 % cơ cấu GDP, đến năm 2011 nhóm ngành Dịch vụ lại chiếm hơn 50% cơ cấu GDP Thành phố. Cơ cấu kinh tế Thành phố đang có xu hướng chuyển dịch tích cực. Dễ dàng nhận ra trong các ngành Dịch vụ thì ngành Du lịch có vai trò và tác động nổi bật nhất. Tuy nhiên, sự quan tâm đầu tư để phát triển ngành Du lịch còn nhiều hạn chế làm cho tốc độ phát triển của ngành còn quá chậm so với tiềm năng, ngành Du lịch tăng bình quân hàng năm 12% dẫn đến tốc độ tăng trưởng GDP của Thành Phố chỉ tăng bình quân hàng năm trên 10%.

Trong chiến lược phát triển KT-XH ở Đà Nẵng thời gian tới, ngành Du lịch luôn có một vị trí rất quan trọng. Mục tiêu tổng quát phát triển KT-XH trên địa bàn Thành phố đến năm 2020 nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm KT-XH của miền Trung với vai trò là trung tâm Dịch vụ; là Thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về vận tải và trung chuyển hàng hoá trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính viễn thông và tài chính - ngân hàng; một trong những trung tâm y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ cao của miền Trung; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước”[10].

Để đạt được mục tiêu đó, vấn đề có tính chất quyết định nhất chính là việc phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phải được xem là trọng tâm. Với vị trí địa lý thuận lợi, nhiều tiềm năng và lợi thế to lớn để phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển ngành Du lịch, Đà Nẵng phải có những định hướng thiết thực để phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng. Nhận thức đúng đắn về vai trò của ngành Du lịch trong mối quan hệ với các ngành kinh tế khác, Chính quyền Thành phố đã đề ra mục tiêu phát triển ngành Du

lịch là: “Xây dựng ngành Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, gắn phát triển du lịch với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố”[41].

Như vậy, ngành Du lịch cùng với các ngành Dịch vụ có sự liên hệ tác động qua lại với những ngành kinh tế khác. Chủ trương chung của Chính quyền Thành phố là đẩy mạnh việc phát triển du lịch để nhanh chóng đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của Thành phố, từ đó phát huy được thế mạnh của Thành phố và đồng thời tạo đà thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác như Công nghiệp, Thương nghiệp, Dịch vụ, khai thác biển... để tạo thành sức mạnh tổng hợp thúc đẩy KT-XH phát triển. Xem phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển KT-XH góp phần hoàn thành CNH, HDH Thành phố trước năm 2020.

b. Ngành du lịch trong mối liên hệ với đời sống văn hóa - xã hội

Văn hóa và du lịch có mối quan hệ biện chứng gắn bó chặt chẽ với nhau. Văn hoá, bản sắc văn hoá dân tộc là một trong những nguồn lực cho hoạt động du lịch. Ngược lại, du lịch là một hình thức của hoạt động giao lưu văn hoá ngày càng được đẩy mạnh hiện nay. Khi du lịch phát triển càng mạnh mẽ sẽ là điều kiện để thúc đẩy văn hóa tiến bộ. Các di sản văn hóa, di tích lịch sử, phong tục tập quán, lễ hội... là một nguồn lực cho hoạt động du lịch. Không dừng lại ở đó, Du lịch còn là cầu nối giữa các bộ phận dân cư thuộc các nền văn hoá khác nhau, đồng thời tạo lập mối quan hệ trong cuộc sống giữa quá khứ hiện tại và tương lai của mỗi dân tộc. Khai thác và phát huy các di sản và giá trị văn hoá, một bộ phận thiết yếu nhất của nguồn tài nguyên du lịch, việc phát triển du lịch hướng vào mục tiêu văn hoá, nâng cao yếu tố văn hoá trong kinh doanh du lịch.

Đối với du lịch bền vững, văn hoá trở thành tài nguyên tạo nên sự hấp dẫn có chiều sâu nhất. Du lịch là một ngành kinh tế có sức thu hút mạnh mẽ bởi vì trong nó có hàm chứa nội dung văn hoá sâu sắc và phong phú. Để du

lịch PTBV thì phải tuân thủ một yêu cầu khách quan hết sức nghiêm ngặt là đảm bảo sự bền vững về văn hoá. Việc khai thác các giá trị văn hoá nhằm phục vụ nhu cầu du lịch hiện tại song không được làm tổn hại đến các giá trị văn hoá, phải bảo tồn các di sản văn hoá cho các thế hệ mai sau.

Yếu tố truyền thống văn hoá trong kinh doanh du lịch có vai trò quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của du lịch. Muốn có hiệu quả trong kinh doanh điều quan trọng không chỉ thoả mãn nhu cầu của khách bằng cơ sở vật chất của mình mà điều quan trọng hơn là chiếm được tình cảm của khách qua việc phát huy truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc. Du lịch vừa là ngành dịch vụ, vừa là ngành sản xuất, vừa tiêu thụ sản phẩm của chính mình. Trong du lịch phần lớn các dịch vụ đều do con người thực hiện. Khách sạn là nơi tiếp đón và phục vụ rất nhiều đối tượng khác nhau. Vì vậy, cách cư xử, thái độ của nhân viên các khách sạn, nhà hàng, siêu thị,... và cả thái độ, sự đón tiếp nồng hậu, chân thành của người dân địa phương cũng sẽ ảnh hưởng to lớn đến tình cảm và sự chung thành của du khách.

Phát triển du lịch còn góp phần nâng cao dân trí, văn hóa, nếp sống văn minh, tạo việc làm và phát triển KT-XH. Du lịch ngày càng khẳng định được vai trò to lớn của mình thông qua những đóng góp về văn hóa, xã hội và bộ mặt phát triển chung của thành phố. Hiệu quả từ du lịch còn được đánh giá qua những lợi ích mang lại cho cộng đồng dân cư. Khi cộng đồng dân cư được chia sẻ lợi ích, họ sẽ tự biết bảo vệ nguồn tài nguyên phục vụ phát triển du lịch bền vững. Sự phát triển của du lịch tác động trực tiếp và gián tiếp đến việc chấn hưng và bảo tồn các di sản văn hoá hiện có ở Đà Nẵng. Doanh thu từ các hoạt động du lịch được sử dụng một phần cho việc tu bổ di tích, chỉnh lý các bảo tàng, đồng thời khôi phục các làng nghề truyền thống, biến chúng trở thành sản phẩm du lịch thu hút khách tham quan. Đối với các giá trị văn hoá phi vật thể, hoạt động du lịch trong thời gian qua đã phục hồi và làm sống

lại những lễ hội dân gian, văn nghệ dân gian, sinh hoạt tín ngưỡng trên địa bàn thành phố như lễ hội Quán Thế Âm; Lễ hội Cầu ngư,... Nhắc đến các lễ hội ở Đà Nẵng hiện nay, bên cạnh các lễ hội truyền thống đang được phục hồi, khai thác để phục vụ du lịch, đó cũng là biện pháp để bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa thì việc xây dựng các lễ hội mới nhằm quảng bá thương hiệu Thành phố cũng như thu hút khách du lịch đến Đà Nẵng không thể không nhắc đến Lễ hội trình diễn pháo hoa quốc tế (DIFC) diễn ra hàng năm vào dịp tháng tư, lễ hội Trình diễn pháo hoa quốc tế với kinh phí 100% xã hội hóa, DIFC đã thu hút sự chú ý của hàng trăm ngàn khán giả trong và ngoài nước, khẳng định được thương hiệu riêng của Đà Nẵng, góp phần đưa Thành phố trở thành một điểm đến cho du khách, tạo nên cú hích mạnh mẽ thúc đẩy phát triển du lịch và thu hút các nhà đầu tư đến với Đà Nẵng.

Bên cạnh mối quan hệ tương hỗ với văn hóa, Du lịch còn có những đóng góp to lớn đến sự phát triển của đời sống xã hội của thành phố Đà Nẵng. Văn kiện Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã đề ra định hướng và các giải pháp lớn trong đó nhấn mạnh: “chú trọng tính nhân văn của quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo cho Thành phố phát triển bền vững”, “Ra sức xây dựng Đà Nẵng thành một thành phố có môi trường văn hóa lành mạnh, có nếp sống văn minh đô thị, phù hợp với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết thực hiện mục tiêu “Thành phố năm không”: không có hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang ăn xin, không có người nghiện ma túy, không có giết người cướp của. Đảm bảo tính nhân văn trong công tác quy hoạch tổng thể thành phố và trong các dự án kiến trúc đô thị”[8, tr. 54-55]. Năm 2006, tổng kết năm năm thực hiện chương trình, Đà Nẵng đã giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống chỉ còn khoảng 1%, giải quyết việc làm cho hơn 20 nghìn lao động, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như phòng, chống mại dâm, ma túy, xóa bỏ hẳn tình trạng người lang

thang xin ăn ở đô thị. Đà Nẵng trở thành địa phương thứ hai trong cả nước hoàn thành việc phổ cập Trung học cơ sở. Hiện nay, mỗi năm Đà Nẵng giải quyết việc làm cho hơn 30 nghìn lao động, số người nghiện ma túy, số vụ giết người cướp của giảm hẳn. Đặc biệt, đến nay thành phố đã không còn hộ đói. Nhằm phát huy hơn nữa các kết quả đã đạt được, UBND thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều chỉnh hai trong năm mục tiêu của chương trình "Thành phố năm không" giai đoạn 2009-2015 để phù hợp tình hình mới. Theo đó, mục tiêu "không có hộ đói" sẽ là "không có hộ nghèo theo chuẩn thành phố"; mục tiêu "không có người mù chữ" sẽ là "không có học sinh bỏ học ở cấp tiểu học và Trung học cơ sở". Từ các thành quả bước đầu của chương trình "Thành phố năm không", Đà Nẵng đã mạnh dạn đề ra chương trình "Thành phố ba có" với những mục tiêu thiết thực ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống người dân: Có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn hóa - văn minh đô thị. Với tầm nhìn xa, cấp ủy và chính quyền thành phố đang hướng tới một mục tiêu cao hơn là xây dựng Đà Nẵng thành đô thị kiểu mẫu mà tiêu chí quan trọng nhất là phải có nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, giàu tính nhân văn, tích cực bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững [43]. Vai trò ngày càng to lớn của mình, ngành Du lịch sẽ đóng góp vào việc giải quyết những mục tiêu của Đà Nẵng trong thời gian qua và những năm tới. Khi du lịch phát triển cũng góp phần từng bước nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân, từ đó tạo điều kiện nâng cao nếp sống văn hóa, văn minh cho Thành phố.

c. Ngành Du lịch trong mối liên hệ với môi trường

Phát triển du lịch và bảo vệ môi trường là hai vấn đề có liên quan chặt chẽ, ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau. Môi trường du lịch bao gồm tổng thể các nhân tố về tự nhiên, KT-XH và nhân văn mà trong đó hoạt động du lịch tồn tại và phát triển. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến khía cạnh môi trường tự nhiên.

Môi trường tốt tạo tiền đề cho du lịch phát triển, ngược lại du lịch phát triển cũng tác động đến môi trường cả trên hai mặt tích cực và tiêu cực. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, trong những năm qua, với nỗ lực toàn diện trong việc gắn phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và đảm bảo yếu tố phát triển bền vững, công tác bảo vệ môi trường của Đà Nẵng có những chuyển biến tích cực. Cụ thể như: Thành phố đã triển khai dự án Điều tra và đánh giá hiện trạng, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nước ngầm; ban hành các quy định về bảo đảm trật tự an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, thi công, trong các khu công nghiệp; thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; ban hành Chỉ thị về phong trào ngày Chủ nhật xanh - sạch - đẹp. Nhiều đề án, dự án về môi trường được tập trung cao độ như: xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc 05 ngành ưu tiên (sắt thép, giấy, vật liệu xây dựng, dệt nhuộm, chế biến thủy sản); Chiến lược bảo vệ môi trường thành phố đến năm 2010. Đặc biệt, thành phố đã triển khai dự án Thoát nước và vệ sinh, hệ thống thu gom chất thải rắn và nước thải đưa về trạm xử lý tập trung, góp phần giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường. [32]

Bên cạnh những mặt đã làm được, vấn đề bảo vệ môi trường ở Đà Nẵng hiện nay cũng đang đứng trước những thách thức to lớn như:

Quá trình quy hoạch xây dựng cũng có nhiều bất cập ảnh hưởng đến môi trường và tài nguyên du lịch, cụ thể như việc xây dựng hầm đường bộ Hải Vân chưa có sự nghiên cứu kỹ lưỡng sự tác động đến môi trường sinh thái quanh khu vực suối Lương gây ảnh hưởng đến nguồn nước của suối Lương. Thiếu những mảng xanh trong Thành phố...

Công tác quản lý rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ở phía tây chưa được tốt cộng với ý thức thấp kém của một bộ phận người dân dẫn đến phá rừng,

cháy rừng, đất trống đồi trọc, xói mòn, cũng ảnh hưởng đến thời tiết, khí hậu của thành phố.

Ô nhiễm môi trường biển cũng là vấn đề đáng quan ngại của du lịch Đà Nẵng. Biển Đà Nẵng vốn rất đẹp nhưng đang dần bị ô nhiễm... Trong tương lai khi du lịch biển phát triển, hàng loạt các resort cao cấp đi vào hoạt động, cùng với các hoạt động dịch vụ khác phát triển. Từ đó, các loại chất thải rắn, nước thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hình thành với khối lượng lớn. Nếu không có biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường chặt chẽ, có hệ thống thì biển Đà Nẵng sẽ bị ô nhiễm là điều không thể tránh khỏi.

Việc phát triển nghề đá mỹ nghệ phục vụ du lịch cũng ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Do thiếu cây xanh bao bọc xung quanh khu danh thắng nên hàng ngày, tiếng ồn do đục đẽo, bụi bặm do cưa cắt đá và việc dùng axit trong quá trình sản xuất ảnh hưởng rất xấu tới môi trường.

Nhiệm vụ trong thời gian tới của thành phố Đà Nẵng đã được Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX đề ra là: “Xây dựng và triển khai chương trình thành phố môi trường; quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên” hướng tới mục tiêu đưa Đà Nẵng trở thành một thành phố môi trường. Đó là những tín hiệu đáng mừng trong việc bảo vệ môi trường để phát triển KT-XH và du lịch một cách bền vững ở Đà Nẵng trong thời gian đến.

2.1.3. Thực trạng phát triển du lịch ở thành phố Đà Nẵng

a. Thực trạng phát triển du lịch

* Thực trạng phát triển các loại hình du lịch

- Du lịch Văn hóa, lễ hội

Loại hình du lịch văn hóa, lễ hội đang ngày một phát triển mạnh ở Đà Nẵng, Đến với Đà Nẵng, du khách sẽ có cơ hội được tham gia nhiều lễ hội truyền thống mang đậm dấu ấn của cư dân nông nghiệp và ngư nghiệp như: Lễ hội Cầu Ngư, Lễ hội mục đồng Phong Nam, Lễ hội Quán Thế Âm, các Lễ

hội đình làng An Hải, Hòa Mỹ, Hòa Phong... Ngoài việc cúng thành hoàng, các bậc tiền hiền có công khai khẩn, khai canh, lập làng còn là dịp để bà con cầu mùa, cúng tổ nghề... Mỗi lễ hội mang những nét đặc trưng riêng nhưng bao trùm lên tất cả chính là sự tạ ơn cho năm cũ và cầu mong mưa thuận gió hòa, sóng yên biển lặng và cuộc sống bình an.

Bên cạnh việc giữ gìn, phát huy những phong tục, tập quán, lễ hội cổ truyền thì việc phát triển các lễ hội theo hướng hiện đại cũng được quan tâm. Từ năm 2008, cuộc thi “Trình diễn pháo hoa quốc tế” đã trở thành một hoạt động thường niên thu hút hàng vạn lượt người trong nước cũng như quốc tế đến thưởng ngoạn. Việc tổ chức cuộc thi bắn pháo hoa quốc tế đã trở thành một sản phẩm văn hóa du lịch độc đáo vào mỗi dịp kỉ niệm ngày giải phóng Đà Nẵng hàng năm. Đây không chỉ là một lễ hội độc đáo, hiện đại mà nó còn là phương tiện để quảng bá hình ảnh thành phố Đà Nẵng với bạn bè trong nước và thế giới.

Góp phần quan trọng vào thành công chung của du lịch văn hóa lễ hội ở Đà Nẵng là công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức lễ hội đã được các cấp, các ngành và các địa phương triển khai có hiệu quả, ngày càng đi vào nề nếp... phát huy được tính dân chủ và xã hội trong các hoạt động lễ hội, góp phần xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở và bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của vùng. Tuy nhiên, hiện nay loại hình du lịch này vẫn chưa phát huy hết tiềm năng, đồng thời còn một số hạn chế như tình trạng chặt chém du khách về giá cả; sản phẩm lưu niệm còn nghèo nàn...

- Du lịch công vụ (MICE)

Du lịch công vụ hay còn gọi với tên khác là du lịch công việc - hội nghị, hội thảo. Đây là loại hình du lịch mang lại nhiều giá trị bởi theo ước tính một người tham gia du lịch công vụ chi tiêu gấp ba lần một du khách bình thường, trong đó phần lớn chi cho ăn, ở. Đà Nẵng có những lợi thế to lớn để phát triển

loại hình du lịch này. Trong những năm gần đây, việc kết hợp hoạt động công vụ với loại hình du lịch đi kèm đang được sự quan tâm, đầu tư của nhiều khách sạn, resort, hay các công ty lữ hành ở Đà Nẵng. Phổ biến nhất là các chương trình tham quan từ nửa ngày cho đến một ngày đang được các khách sạn như: Hoàng Anh Gia Lai, Green Plaza..., các công ty lữ hành như: Vitours Đà Nẵng, Đà Nẵng Beach travel, Mai Linh tourism... tổ chức đưa du khách đến các điểm du lịch hấp dẫn tại thành phố Đà Nẵng hoặc các điểm du lịch lân cận như: đô thị cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn, cố đô Huế... Mặc dù thời gian ngắn, nhưng với vị trí thuận lợi của Đà Nẵng và các danh thắng, di sản trên thì việc xây dựng các tours du lịch kết hợp du lịch công vụ là hết sức thuận lợi.

Trước năm 2005, Đà Nẵng giống như một điểm trung chuyển, nhưng từ 2005 đến nay, Đà Nẵng thực sự đã trở thành một điểm đến cho loại hình du lịch công vụ trong và ngoài nước. Điều đó cho thấy thành phố đã có những bước đi thích hợp để khai thác lợi thế như phát huy tối đa loại hình du lịch MICE, phấn đấu trở thành thành phố của sự kiện (đối với khách nội địa); thu hút khách quốc tế qua các đường bay trực tiếp... Tuy nhiên, loại hình này vẫn còn một số hạn chế như: việc liên kết giữa các địa phương trên "*Con đường di sản miền Trung*" vẫn chưa thực sự bền chặt. Vì vậy, trong thời gian đến Đà Nẵng phải thể hiện vai trò liên kết con đường di sản miền Trung để phát triển loại hình du lịch này.

- Du lịch Biển

Nhắc đến Đà Nẵng, du khách sẽ dễ dàng hình dung một thành phố trẻ, hiện đại nằm bên bờ biển Đông hiền hòa, xinh đẹp. Mặc dù đường bờ biển không dài, nhưng thiên nhiên đã ban tặng cho Đà Nẵng những bãi biển đẹp và đã được tạp chí Forbes của Mỹ bình chọn là một trong sáu bãi biển đẹp nhất hành tinh. Các bãi biển đẹp như: bãi biển Mỹ Khê, bãi biển Bắc Mỹ An, bãi

biển Non Nước, bãi biển Xuân Thiều, bãi biển Nam Ô. Ngoài ra, Bao quanh bán đảo Sơn Trà là vòng cung bờ biển tuyệt đẹp với các bãi biển Bãi Tiên Sa, bãi Đá Đen, bãi Rạng, bãi Bụt, bãi Xếp, bãi Đa, bãi Nam, bãi Bắc, bãi Con, bãi Trẹm. Chân núi ăn sâu ra biển đã hình thành nên các vùng biển có rạn san hô quý hiếm, đa dạng về chủng loại sẽ là nơi lý tưởng để phát triển các loại hình du lịch lặn.

Với tiềm năng về biển, có thể phát triển nhiều loại hình du lịch như nghỉ mát tắm biển, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thể thao giải trí, thể thao mạo hiểm... Từ những tiềm năng, lợi thế to lớn đó, trong thời gian qua, du lịch Biển ở Đà Nẵng đã có sự phát triển mạnh mẽ nhất và ngày càng hấp dẫn đối với du khách thập phương. Công tác đầu tư, quy hoạch phát triển du lịch Biển trong thời gian qua đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của các cấp quản lý. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xây dựng chương trình phát triển du lịch Biển với mục tiêu: “Định hướng chính về phát triển du lịch thành phố là ưu tiên phát triển du lịch Biển theo hướng xây dựng các sản phẩm đặc thù có tính cạnh tranh cao trong cả nước”. Thành phố đã tiến hành xây dựng quy hoạch phát triển du lịch Biển, theo đó, chia ra thành 3 cụm phát triển: Non nước - Ngũ Hành Sơn - Bắc Mỹ An; Mỹ Khê - Sơn Trà; Xuân Thiều - Nam Ô - Hải Vân. Tùy theo đặc điểm của mỗi khu vực, có thể phát triển các loại hình du lịch khác nhau.

Tuy nhiên, việc khai thác du lịch biển còn nhiều hạn chế chưa đúng với tiềm năng và vị thế, các dịch vụ biển nghèo nàn, thiếu sức hấp dẫn du khách.

- Du lịch sinh thái

Đà Nẵng có vị trí thuận lợi để phát triển loại hình du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Loại hình du lịch này chủ yếu tập trung ở phía Tây của Thành phố, nơi có điều kiện tự nhiên, khí hậu thuận lợi cho việc nghỉ ngơi, thư giãn.

Các địa điểm thu hút khách du lịch là Bà Nà - Suối Mơ, Làng Vân, đèo Hải Vân, bán đảo Sơn Trà...

Nguồn tài nguyên du lịch sinh thái của Đà Nẵng được phân bố trong một không gian hợp lý, gần kề các trung tâm hành chính và các di sản văn hoá của địa phương, điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông đi lại thuận tiện.

Đến Đà Nẵng, cùng với việc nghỉ ngơi tắm biển, du khách có thể thăm quan tại các khu vực vùng núi như khu du lịch Bà Nà (độ cao 1.487 m), bán đảo Sơn Trà (có độ cao 696 m). Tại đây, du khách có cảm giác “lên non – xuống biển” thật sự thú vị.

Tháng 3 năm 2013, Đà Nẵng đã khánh thành tuyến cáp treo thứ ba, đây là tuyến cáp treo đạt 4 kỷ lục thế giới. Tuyến cáp treo này đã giải quyết được những khó khăn cho việc đi lại của du khách. Từ trên cáp treo du khách có thể thưởng thức vẻ đẹp huyền diệu của một Bà Nà thơ mộng. Chắc chắn trong thời gian tới lượng du khách đến với Bà Nà sẽ tăng nhanh.

Tuy nhiên, đánh giá một cách khách quan thì du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng mới chỉ ở mức manh nha, chưa định vị một cách rõ ràng và thực sự chưa có sản phẩm độc đáo. Chính sách và giải pháp đề ra chưa đủ sức hút khai thác có hiệu quả vẻ đẹp thiên nhiên của đèo Hải Vân, sự nguyên sơ, tinh khiết của bán đảo Sơn Trà, nhằm thu hút được sự quan tâm của du khách. Du khách đến những vùng này chủ yếu để tham quan nhiều hơn là nghỉ ngơi, do đó, thời gian lưu lại nơi đây bị rút ngắn đi nhiều.[32]

* Khách du lịch

Lượng du khách đến với Đà Nẵng tăng mạnh về số lượng, bao gồm, cả du khách trong nước và khách quốc tế, được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.2. Lượng khách đến Đà Nẵng giai đoạn 2001-2012

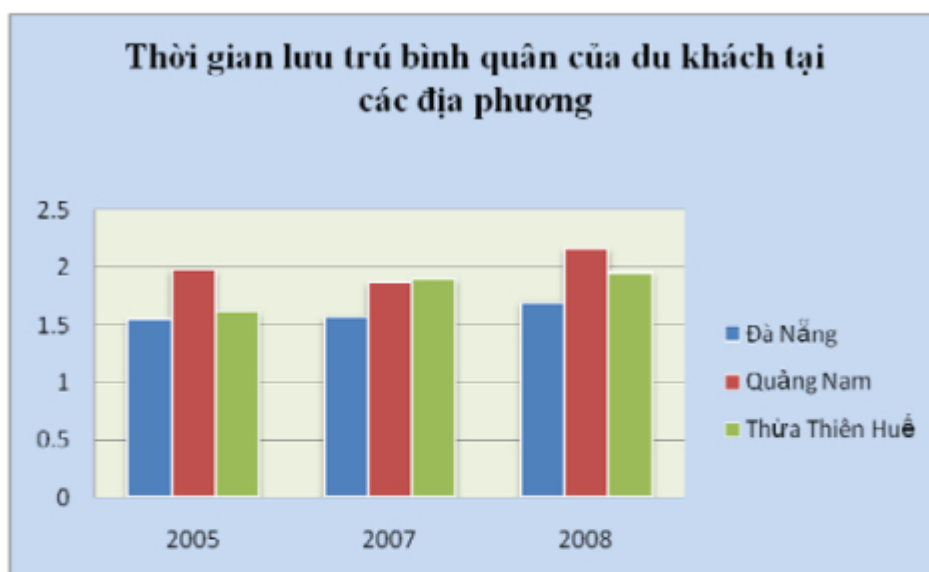
Chỉ tiêu	ĐVT	2001	2003	2005	2008	2012
Tổng lượt khách	103 lượt	486,1	513,8	659,4	1269,1	2659,5
Khách quốc tế	103 lượt	194,7	174,5	227,8	353,7	638,9
Khách nội địa	103 lượt	291,4	339,3	431,6	915,4	2028,6

Nguồn: Sở VH,TT&DL Đà Nẵng

Theo bảng 2.1, lượng khách du lịch đến Đà Nẵng tăng nhanh trong từng năm với mức tăng trung bình khoảng 14,69%, trong đó, khách nội địa tăng trưởng nhanh, đạt 17,76 %. Nếu như năm 2001 Đà Nẵng đón 486.100 lượt khách thì đến năm 2008 đã tăng lên 1.269.100 và năm năm 2012 đạt hơn 2,6 triệu lượt, tăng 12% so với năm 2011 và đạt 103% kế hoạch đề ra. Trong đó, khách quốc tế ước đạt hơn 635.000 lượt, tăng 18%; khách nội địa ước đạt hơn 2 triệu lượt khách, tăng 10%; thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch ước đạt 6.000 tỉ đồng, tăng 36% so với năm 2011 và đạt 119% kế hoạch.

Tính riêng trong năm năm qua, từ 2008 - 2013 lượng khách du lịch đến tham quan, du lịch tại Đà Nẵng đã tăng gấp 2 lần, từ 1,26 triệu khách năm 2008 tăng lên 2,65 triệu khách năm 2012. Thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch năm 2012 đạt 6000 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với năm 2008.

Số lượng du khách đến du lịch Đà Nẵng từ khá nhiều quốc gia, với lượng khách ngày càng tăng. Lượng khách đến tập trung chủ yếu từ các quốc gia Châu Âu và Bắc Mỹ, trong đó, dòng khách đến từ Mỹ, Pháp, Đức, Anh vẫn giữ được mức tăng, nhưng tốc độ tăng có xu hướng chậm lại. Lượng du khách đến với Đà Nẵng tăng mạnh về số lượng, bao gồm, cả du khách trong nước và khách quốc tế.



Nguồn: Sở VH,TT&DL Đà Nẵng, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế

Hình 2.2: Thời gian lưu trú bình quân của du khách tại các địa phương

Thời gian lưu trú bình quân của du khách tại Đà Nẵng còn thấp. Nguyên nhân chính ở đây là các loại hình du lịch của Đà Nẵng chưa thực sự hấp dẫn. Đa số các khách sạn của Đà Nẵng mới chỉ đáp ứng được nhu cầu nghỉ của khách, trong và ngoài khách sạn thiếu các dịch vụ hỗ trợ du khách như các khu vui chơi giải trí, mua sắm, ẩm thực hấp dẫn.

*** Doanh thu du lịch**

Doanh thu lĩnh vực du lịch tăng nhanh, năm 2008 doanh thu chuyên ngành đạt 874,46 tỷ đồng, tăng 3,53 lần so với năm 2000 với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn (2001-2008) là 17,08%, doanh thu về mặt xã hội đạt trên 2 ngàn tỷ đồng (2008) với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn (2001-2008) là 17,74% . Giá trị tăng thêm lĩnh vực du lịch cũng đạt khá, đến năm 2008, cơ cấu du lịch trong dịch vụ, du lịch trong GDP của Đà Nẵng lần lượt là 9,94% và 4,98%. [32].

* Doanh nghiệp kinh doanh du lịch

Muốn thu hút được khách du lịch thì mỗi địa phương bên cạnh việc có vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên du lịch phong phú, môi trường du lịch chuyên nghiệp... Nhưng muốn giữ chân khách du lịch và tạo ra một ấn tượng tốt đẹp làm cho du khách luôn mong muốn quay trở lại thì ngoài những tiềm năng lợi thế trên, một yếu tố khác góp phần rất quan trọng đó chính là dịch vụ du lịch chuyên nghiệp, chu đáo, làm hài lòng những người không chỉ đi tham quan, thưởng lãm du lịch mà còn đi vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng...

Trong thời gian qua, số lượng các doanh nghiệp tham gia kinh doanh du lịch tại thành phố tăng nhanh. Năm 2012, thành phố có 326 doanh nghiệp tham gia kinh doanh phục vụ du lịch, gấp 3,9 lần so với năm 2001.

Bảng 2.3. Số lượng DN KD du lịch ở Đà Nẵng giai đoạn 2001 - 2012

Lĩnh vực kinh doanh	ĐVT	2001	2003	2005	2007	2008	2012
Khách sạn	KS	65	72	96	137	135	326
Lữ hành	DN	53	65	71	74	76	138
Tổng cộng		118	137	167	211	211	464

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đà Nẵng

* Nguồn nhân lực du lịch

Với sự phát triển nhanh chóng của du lịch Đà Nẵng, khi các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, resort mọc lên ngày càng nhiều, đã đặt ra nhu cầu to lớn về nguồn nhân lực cho hiện tại cũng như sẽ nhanh chóng tăng lên trong thời gian tới. Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý có khoảng 1000 người bao gồm các (giám đốc, phó giám đốc, trưởng các bộ phận kinh doanh..); trong đó, tốt nghiệp đại học, cao đẳng là khoảng 450 người, có 200 lao động được đào tạo trình độ ngoại ngữ bậc đại học, cao đẳng.

Đội ngũ lao động nghiệp vụ

- Nhân viên lễ tân: Phần lớn đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, còn lại là tốt nghiệp trung cấp, sơ cấp nghề. Đội ngũ nhân viên lễ tân đã từng bước nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Nhân viên buồng: có 14,12 % tốt nghiệp đại học, cao đẳng; trung cấp nghề chiếm 35,87%.

- Nhân viên phục vụ bàn, bar: tuy tỷ lệ trung cấp nghề khá cao nhưng thực chất đội ngũ phục vụ bàn, bar vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc và cần tiếp tục đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghiệp vụ.

- Hướng dẫn viên du lịch: đến nay, trên địa bàn thành phố có trên 400 hướng dẫn viên du lịch. Hàng năm, Sở đã phối hợp với các trường Đại học mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch cho đội ngũ này. Nhờ vậy, chất lượng hướng dẫn viên du lịch của Đà Nẵng được đánh giá có trình độ chuyên môn khá, bước đầu đáp ứng được nhu cầu thăm quan, du lịch của du khách.

Như vậy, thực trạng NNL du lịch ở Đà Nẵng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chất lượng lao động nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch trong xu thế hội nhập và phát triển.

* Quản lý về du lịch

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các hoạt động du lịch trên phạm vi thành phố. Trung tâm xúc tiến du lịch đóng vai trò chính trong việc thực hiện các hoạt động để xúc tiến và phát triển ngành du lịch thành phố.

* Hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch

Thành phố biển Đà Nẵng đang quyết tâm trở thành một thành phố đáng sống, một điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Công tác

xúc tiến, quảng bá du lịch đã đạt được một số thành tựu, gắn kết được với các thị trường du lịch, doanh nghiệp và các điểm tham quan du lịch Đà Nẵng. Tuy nhiên, công tác xúc tiến, quảng bá vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, chưa có hoạt động xúc tiến du lịch tạo ra sự hấp dẫn thường xuyên. Nội dung triển khai chưa nhiều, còn bị động, tính chuyên nghiệp chưa cao, thiếu sự hợp tác, chia sẻ và hỗ trợ từ các doanh nghiệp du lịch. Do đó cần có cơ chế, chính sách tạo các nguồn kinh phí phục vụ cho các chương trình thông tin quảng cáo, marketing... xây dựng thương hiệu của du lịch Đà Nẵng.

b. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch ở Đà Nẵng

**** Những mặt làm được***

Trong thời gian qua thành phố đã có sự phát triển loại hình cũng như các sản phẩm du lịch mới để thu hút và giữ chân du khách khi đến với thành phố. Cùng với đó là quá trình đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng,... Do đó, khách du lịch đến Đà Nẵng đạt mức tăng trưởng khá, tổng doanh thu ngành du lịch cũng ngày một tăng đạt và vượt chỉ tiêu.

Số lượng các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành tăng đều qua các năm với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2001-2010 là 7,4%. Số lượng các cơ sở lưu trú trên địa bàn thành phố tăng mạnh với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2001-2010 đạt 12%/năm. Bên cạnh đó, các dịch vụ như vận chuyển, ẩm thực, mua sắm, vui chơi giải trí được đầu tư xây dựng khá đồng bộ và hoàn chỉnh tạo điều kiện thúc đẩy ngành du lịch thành phố không ngừng phát triển.

Công tác xúc tiến du lịch thành phố đã đạt được những kết quả nhất định. Thành phố cũng tổ chức đón các đoàn khảo sát, xúc tiến du lịch; tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước; xuất bản đa dạng ấn phẩm du lịch; củng cố website; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Môi trường du lịch thành phố đã từng bước được được cải thiện. Thành phố đã tập trung chỉ đạo tích cực, phối kết hợp xây dựng môi trường biển với quyết tâm tạo ra một hình ảnh mới cho du lịch biển Đà Nẵng

Về phía chính quyền thành phố đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc quy hoạch phát triển các vùng du lịch, thu hút các dự án du lịch, đảm bảo môi trường du lịch.

*** Những tồn tại**

Sự phát triển của du lịch mới chỉ theo chiều rộng chưa có bước đột phá về chiều sâu, hình ảnh du lịch Đà Nẵng trên thị trường du lịch quốc tế còn khá mờ nhạt. Lượng khách du lịch quốc tế tăng chậm, lượng khách du lịch nội địa tăng cao nhưng ngày khách lưu trú và sức chi tiêu mua sắm của khách còn thấp. Số lượng các đơn vị kinh doanh du lịch có tăng lên nhưng năng lực kinh doanh và chất lượng phục vụ chưa có chuyển biến đáng kể. Cơ sở vui chơi giải trí của Đà Nẵng còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Sản phẩm du lịch đa dạng nhưng chưa có chiều sâu. Hàng lưu niệm còn đơn điệu chỉ với một mặt hàng chủ lực là đá mỹ nghệ Non Nước. Công tác xúc tiến du lịch, tuyên truyền quảng bá còn hạn chế

Nguồn nhân lực du lịch hiện nay thiếu hụt nghiêm trọng. Việc liên kết phát triển du lịch với các địa phương lân cận chưa được thực hiện tốt.

Ngoài ra, nhận thức của doanh nghiệp cũng như người dân về phát triển du lịch, phát triển du lịch bền vững, phát triển du lịch kèm theo bảo vệ môi trường còn kém. Việc đánh giá tác động môi trường của các dự án, xác định và xây dựng kế hoạch bảo vệ các khu vực nhạy cảm về môi trường còn chưa tốt.

*** Nguyên nhân tồn tại**

Du lịch thành phố có xuất phát điểm còn thấp; nhận thức của các cấp các ngành về vị trí, vai trò của du lịch có mặt hạn chế, chưa đồng bộ; thiếu chính

sách ưu đãi để thu hút đầu tư; tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ cả về quản lý và kinh doanh du lịch còn nhiều bất cập; công tác phối hợp một số hoạt động cụ thể vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn; chưa có sự kết nối mạnh mẽ giữa nhà nước và doanh nghiệp trong việc phát triển những địa điểm du lịch mới cho ngành du lịch của thành phố

Chương trình và chất lượng đào tạo đội ngũ làm du lịch còn nhiều bất cập. Việc triển khai quy hoạch phát triển du lịch gắn kết với quy hoạch phát triển tổng thể KT-XH và các quy hoạch ngành khác còn chậm.

Tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, dịch bệnh, khủng hoảng tài chính, xung đột cục bộ giữa các vùng, các quốc gia... dẫn đến nhu cầu du lịch từ 2008 đến nay bị giảm sút mạnh

Bên cạnh đó, những hậu quả do những diễn biến xấu của hiện tượng biến đổi khí hậu trên toàn cầu cũng là một rào cản lớn cho ngành du lịch của thành phố.

2.2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH DU LỊCH Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.2.1. Mâu thuẫn trong phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng hiện nay

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng: Nguồn gốc, động lực cơ bản, phổ biến của mọi quá trình vận động, phát triển chính là mâu thuẫn khách quan vốn có của sự vật. Theo quan điểm này, trong bất kỳ sự vật hiện tượng nào cũng đều tồn tại các mặt đối lập, chúng vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau. Chính quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập sẽ tạo ra sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng. Sự phát triển của ngành Du lịch ở Đà Nẵng hiện nay cũng tuân theo quy luật đó. Từ cơ sở lý luận trên, nhìn nhận và tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, chúng tôi nhận thấy

tồn tại những mâu thuẫn trong việc phát triển du lịch theo hướng bền vững sau đây.

a. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển nhanh và mục tiêu bền vững

Phát triển nhanh KT-XH là một mục tiêu chung của các quốc gia chậm phát triển và đang phát triển. Mục đích của nó là nhằm tránh nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế, đồng thời phát triển nhanh để thu hẹp dần khoảng cách với các nước tiên tiến. Quá trình phát triển kinh tế nước ta cũng không nằm ngoài yêu cầu đó. Ở Việt Nam, sự phát triển được xác định không chỉ bền vững, mà còn phải nhanh, bởi lẽ nhanh và bền vững là thành tố cốt lõi, có ý nghĩa quyết định để làm nên thắng lợi của sự nghiệp CNH,HDH. Quan điểm này ngày càng được hoàn thiện và đã được quán triệt, xuyên suốt trong cả quá trình đổi mới đất nước.

Trong quá trình phát triển chung của cả nước, để đạt mục tiêu phát triển nhanh, cần có những địa phương đảm nhận vị trí đầu tàu, tạo thành hạt nhân thúc đẩy sự tăng trưởng của cả nền kinh tế. Với những lợi thế của mình, Đà Nẵng đang trở thành trung tâm của cả khu vực miền Trung - Tây Nguyên, cùng với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tạo thành những trung tâm kinh tế phát triển nhanh và mạnh mẽ nhất để thúc đẩy con tàu kinh tế Việt Nam phát triển. Căn cứ vào tiềm năng cũng như thực trạng phát triển KT-XH năm năm 2005-2010, Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XX Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã đề ra mục tiêu: lấy phát triển nhanh kinh tế làm trọng tâm “*xây dựng thành phố trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020*”, trở thành thành phố có cơ cấu kinh tế theo hướng: Dịch vụ - Công nghiệp & Xây dựng - Nông nghiệp. Trong các ngành Dịch vụ thì Du lịch sẽ đóng vai trò là một ngành mũi nhọn, đảm bảo phát triển nhanh đồng thời gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

Phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững là mục tiêu cơ bản trong sự phát triển KT-XH nói chung và ngành Du lịch nói riêng ở Đà Nẵng. Tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy: yêu cầu phát triển nhanh và đảm bảo mục tiêu bền vững tồn tại sự mâu thuẫn trong cả lý luận và thực tiễn, vì trong sự phát triển nhanh luôn tiềm ẩn những yếu tố thiếu bền vững. Phát triển nhanh thường hướng đến sự phát triển theo chiều rộng, nặng về mặt lượng, về thành tích thể hiện qua các chỉ số như: mức đóng góp của ngành vào GDP; số lượng du khách quốc tế và nội địa đã đón tiếp; số dự án đầu tư vào thành phố... Còn phát triển bền vững lại hướng vào chiều sâu, vào sự thay đổi về chất. Tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững là sự tăng trưởng ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống.

Phát triển nhanh du lịch cần phải khai thác các tiềm năng về du lịch trên địa bàn Thành phố một cách nhanh chóng, tối đa nhằm phát huy những lợi thế cả về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên xã hội và nhân văn phục vụ hoạt động du lịch. Mục tiêu của du lịch chính là đáp ứng cao độ nhu cầu của du khách hiện tại và tương lai để duy trì sự tăng trưởng liên tục của ngành Du lịch. Sự phát triển quá nhanh trong điều kiện còn thiếu phương tiện xử lý môi trường, nhận thức và công cụ quản lý của các cấp chính quyền và người dân về môi trường còn hạn chế, chưa nghiên cứu kỹ khả năng tải của thành phố, công tác quy hoạch còn nhiều bất cập. Hơn nữa, Đà Nẵng là một thành phố biển, được xem là một trong những vùng sinh thái nhạy cảm, dễ bị ảnh hưởng bởi sự phát triển ào ạt của du lịch, đó sẽ là những nguyên nhân hủy hoại sự phát triển bền vững.

Thực trạng hiện nay ngành Du lịch ở Đà Nẵng có những bước phát triển rất nhanh, có đóng góp to lớn vào sự phát triển KT-XH của thành phố. Trong sự phát triển nhanh chóng đó cũng đã bộc lộ những yếu tố thiếu bền vững

như: Sự phát triển chủ yếu theo chiều rộng chứ chưa chú ý đến chiều sâu; Sự thiếu hụt nguồn nhân lực trong ngành Du lịch, sản phẩm du lịch đa dạng nhưng thiếu nét đặc thù của địa phương,... Sự phát triển nhanh của du lịch bao hàm cả những tác động tiêu cực đến mọi mặt của thành phố Đà Nẵng nhưng không vì vậy mà chúng ta đi đến suy luận chỉ có phát triển chậm mới đảm bảo bền vững. Phát triển nhanh kết hợp với phát triển bền vững sẽ là quan điểm phù hợp với mục tiêu phát triển ngành Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ở Đà Nẵng hiện nay.

Trong mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển nhanh gắn với phát triển du lịch bền vững hiện nay thì phải lấy phát triển nhanh ngành Du lịch làm trọng tâm, nhưng cần tránh sự phát triển quá nhanh (tăng trưởng nóng), đồng thời gắn với phát triển bền vững, đảm bảo được những yêu cầu của việc phát triển du lịch bền vững trở thành nội dung xuyên suốt trong quá trình CNH, HĐH ở thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn tới.

b. Mâu thuẫn giữa nhiệm vụ thu hút đầu tư để phát triển nhanh với thực trạng cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu

Thu hút vốn đầu tư là hoạt động nhằm tới việc khai thác, huy động các nguồn vốn đầu tư, làm cho lượng vốn đầu tư tăng lên nhằm thoả mãn nhu cầu đầu tư. Vốn đầu tư có hai nguồn cơ bản: nguồn tiết kiệm từ chính quyền và người dân thành phố và từ nguồn đầu tư bên ngoài (Dự án Nhà nước rót xuống và từ sự đầu tư của các cá nhân, tổ chức, tập đoàn trong và ngoài nước). Với một thành phố trẻ như Đà Nẵng, việc thu hút vốn đầu tư mang một vai trò vô cùng lớn đối với sự phát triển KT-XH, đặc biệt là du lịch. Có thể dẫn chứng ra hàng loạt những thí dụ điển hình cho sự phát triển ở Đà Nẵng nhờ việc thu hút vốn đầu tư như: việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông, đường sá, đặc biệt là những cây cầu độc đáo nối hai bờ sông Hàn tạo ra sự thuận lợi về đi lại và những điểm nhấn độc đáo để phát triển du lịch; hay

như khu du lịch sinh thái Bà Nà với những tiềm năng to lớn nhưng không thể phát huy lợi thế, chỉ đến khi có những nhà đầu tư tiềm lực xây dựng các tuyến cáp treo với nhiều kỷ lục thế giới thì số lượng khách du lịch cũng có sự tăng trưởng đột phá.

Hiện nay, với việc xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, việc không ngừng tăng cường thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch là sự cần thiết khách quan đối với thành phố Đà Nẵng bởi một số lý do sau:

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế.
- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng cường khoa học kỹ thuật và nâng cao năng lực quản lý điều hành kinh doanh.

Mặc dù thành phố Đà Nẵng là một trong những địa phương có cơ sở hạ tầng phát triển khá tốt ở khu vực miền Trung, nhưng theo đánh giá của các nhà đầu tư thì cơ sở hạ tầng của thành phố Đà Nẵng phát triển với tốc độ còn chậm. Bên cạnh đó, hệ thống sân bay, bến cảng, thông tin liên lạc vẫn phát triển chưa mạnh, Cảng hàng không quốc tế, cảng nước sâu Tiên Sa chưa khai thác hết khả năng hiện có và chưa đầu tư đúng mức với một cảng biển và sân bay có điều kiện thuận lợi nhất nước ta. Ga Đà Nẵng đã có dự án di dời ra ngoài ô thành phố thế nhưng hơn mười năm qua dự án này vẫn chỉ nằm trên giấy tờ. Hơn nữa, việc quy hoạch Du lịch ở một vùng sinh thái nhạy cảm như thành phố biển Đà Nẵng đòi hỏi phải có một tầm nhìn khoa học và hợp lý. Công tác quy hoạch đầu tư ở Đà Nẵng hiện nay bộc lộ một số hạn chế như việc thiếu những mảng xanh xen kẽ trong thành phố, ven biển bị bao bọc bởi quá nhiều dự án xây dựng khiến du khách có cảm tưởng như đang đứng giữa một rừng bê tông.

Trong những năm qua thành phố Đà Nẵng tập trung đầu tư rất nhiều cho cơ sở hạ tầng phát triển ngành Du lịch đặc biệt là đầu tư vào cơ sở hạ tầng cho các khu du lịch trọng điểm tuy nhiên mới chỉ là đầu tư vào đường sá chứ các công trình phụ trợ vẫn chưa được đầu tư nhiều. Chính vì điều này, các nhà đầu tư khi tìm hiểu môi trường đầu tư và cơ hội đầu tư họ thường được các công ty môi giới đưa đến các địa phương có cơ sở hạ tầng tốt và đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của họ. Với cơ sở hạ tầng chậm phát triển như trên, chi phí kinh doanh của các nhà đầu tư sẽ tăng lên rất nhiều, đồng thời làm ảnh hưởng đến hoạt động và kế hoạch kinh doanh của các nhà đầu tư.

c. Mâu thuẫn giữa phát triển du lịch với thực trạng nguồn nhân lực du lịch ở Đà Nẵng hiện nay

Để phát triển du lịch cần dựa trên nhiều nhân tố: vị trí địa lý, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên xã hội và nhân văn, cơ sở hạ tầng du lịch, chính sách và thể chế quản lý, nguồn nhân lực... Trong đó, vấn đề phát triển nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến mọi lĩnh vực trong hoạt động du lịch. Trong những năm gần đây, du lịch Đà Nẵng phát triển mạnh mẽ, đó là thành quả đáng ghi nhận về sự chú ý đầu tư và đẩy mạnh phát triển của cán bộ lãnh đạo thành phố. Hướng đi đúng đắn cho thành phố bên sông Hàn với đầy đủ yếu tố cho một thành phố du lịch. Đà Nẵng hôm nay có sự phát triển vượt bậc về mọi mặt từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... Tuy nhiên với sự phát triển mạnh mẽ về du lịch thì thực trạng thiếu hụt trầm trọng lao động ngành Du lịch tại Đà Nẵng một lần nữa cảnh báo về sự phát triển thiếu bền vững.

Hiện nay, lực lượng lao động trong ngành Du lịch Đà Nẵng tuy đông nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, đang trong tình trạng vừa thừa, vừa thiếu. Thừa lao động lớn tuổi, chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, thiếu lao động được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ.

Chất lượng đội ngũ lao động quản lí của ngành Du lịch chưa cao, năng lực quản lí còn hạn chế, cơ cấu đào tạo chưa hợp lí, vẫn còn thiếu những người thực sự giỏi về chuyên môn, có thể hoạch định chiến lược kinh doanh của các đơn vị. Đó sẽ là những thách thức to lớn cho quá trình phát triển du lịch trong thời gian tới ở thành phố Đà Nẵng.

d. Mâu thuẫn trong ý thức của cộng đồng dân cư ở Đà Nẵng với vấn đề phát triển du lịch bền vững

Để phát triển du lịch bền vững cần tuân thủ các biện pháp, cách làm phù hợp, chú ý tới những nguyên tắc đảm bảo cho quá trình phát triển du lịch ở Đà Nẵng đi đúng định hướng. Trong những nguyên tắc PTDL bền vững, theo chúng tôi, nguyên tắc: Con người là trung tâm, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát là nguyên tắc hàng đầu. Vì con người là chủ thể của quá trình phát triển, để hướng tới sự phát triển bền vững, yếu tố cần thay đổi đó là ý thức của cộng đồng dân cư trên địa bàn Thành phố.

Du lịch đã có những ảnh hưởng to lớn đến sự thay đổi bộ mặt của thành phố trong thời gian qua. Cơ sở hạ tầng được cải thiện, việc làm được giải quyết, thu nhập người dân tăng lên, đời sống văn hóa của người dân cũng có nhiều biến đổi, ý thức của người dân về phát triển du lịch cũng dần được nâng cao... Tuy nhiên, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực từ du lịch, sự phát triển của ngành cũng đã tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư gây nên những phản ứng tiêu cực từ người dân và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của du lịch.

- Với sự gia tăng lượng khách du lịch đến từ những vùng miền khác nhau trên thế giới vừa mang lại những tinh hoa văn hóa, văn minh tiên tiến, nhưng đồng thời cũng du nhập vào cộng đồng dân cư thành phố, đặc biệt là thể hệ trẻ phong cách, lối sống thiếu lành mạnh, thích hưởng thụ chạy, theo thời trang trái với thuần phong mỹ tục... Chính vì vậy, một bộ phận không nhỏ người

dân, đặc biệt là các bậc phụ huynh cho rằng, du lịch là nguyên nhân chủ yếu làm tổn hại đến văn hóa, phong tục tập quán. Do đó, có cái nhìn thiếu thiện cảm đối với khách du lịch và hoạt động du lịch.

- Một bộ phận dân cư phải di dời cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển du lịch làm nảy sinh một số vấn đề xã hội khó dung hòa như: quyền sử dụng đất, tái định cư, giải quyết việc làm, sự kì thị của dân nhập cư, ... Cụ thể như, những hộ dân ở Làng Vân sau khi được chuyển về định cư ở phường Hòa Hiệp Nam đã bị sự kì thị của cộng đồng địa phương - điều mà nhà quản lý chưa lường trước gây nên tình trạng mất ổn định và tâm lý không tốt từ chính người dân bản địa cũng như những người mới đến định cư. Hay như tình trạng của những người dân chài ở các phường ven biển sau khi chuyển đổi nghề nghiệp cũng chưa mang lại một cuộc sống ổn định.

- Sự phát triển du lịch thời gian qua đã tác động tiêu cực làm giá cả một số mặt hàng tăng, trong khi kinh tế khó khăn cũng ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý từ một bộ phận người dân.

- Bên cạnh đó, một số dự án phát triển du lịch đã được phê duyệt nhưng công tác thi công kéo dài, thậm chí một số dự án quy hoạch treo dài hạn cũng ảnh hưởng lớn đến tâm lý, đời sống của người dân trong khu vực quy hoạch.

Từ những tác động trên, gây nên tâm lý tiêu cực trong một bộ phận dân cư đối với sự phát triển du lịch ở Đà Nẵng. Để phát triển du lịch theo hướng bền vững thì tất cả những tác động này cần được thường xuyên đánh giá cũng như đề ra các giải pháp nhằm kiểm chế và kiểm soát một cách hợp lý các tác động tiêu cực, phát huy những ảnh hưởng tích cực, chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch đến đời sống kinh tế - văn hóa của cộng đồng dân cư. Từ đó, thay đổi nhận thức, thái độ và hành động của người dân thành phố để hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

2.2.2. Quan điểm toàn diện - điều kiện đảm bảo phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng hiện nay

a. Phát triển du lịch ở Đà Nẵng phải được nhìn nhận trong sự phát triển toàn diện

Du lịch trước hết đó là một ngành dịch vụ, một ngành kinh tế, là ngành có quan hệ qua lại rộng rãi: quan hệ liên ngành, liên nghề và kể cả kết nối các địa phương, các quốc gia khác với nhau. Du lịch không chỉ đóng góp to lớn vào GDP của từng địa phương mà còn là trung tâm, là phương tiện để giao lưu, trao đổi thông tin với nhau, tiếp xúc và hoà quyện với nhau về văn hoá và để mọi người có thể tìm hiểu, khám phá thế giới. Chính vì du lịch có mối quan hệ như vậy, để du lịch phát triển bền vững, chúng ta cần có chính sách, kế hoạch phát triển cụ thể sao cho sự phát triển đó không làm tổn hại đến môi trường tự nhiên, và văn hoá xã hội. Sự phát triển của du lịch phải song song với sự phát triển của các thành phần kinh tế khác trong xã hội, trong quan hệ tương hỗ hai bên cùng có lợi.

Để đảm bảo sự phát triển của ngành Du lịch ở Đà Nẵng theo hướng bền vững, cần nhìn nhận trong sự phát triển toàn diện. Cụ thể là cần nghiên cứu, đánh giá các mối liên hệ, tác động qua lại của ngành Du lịch với các ngành kinh tế, các lĩnh vực văn hóa - xã hội và môi trường để thấy được mối quan hệ biện chứng, tác động tương hỗ lẫn nhau giữa du lịch và các chủ thể khác để có biện pháp, cách thức tác động phù hợp hướng tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

Ngành du lịch tồn tại và phát triển luôn gắn liền với các mối quan hệ, liên kết xuất phát từ hai góc độ vi mô và vĩ mô. Bản thân du lịch là ngành dịch vụ, tác động và chịu sự tác động của mọi mặt trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Phát triển du lịch luôn chịu sự liên kết tác động hai chiều với các ngành khác trong việc cung cấp “dịch vụ” để truyền tải tới du khách. Các mối

liên hệ của ngành Du lịch có thể chia thành: Liên kết trong nội bộ ngành; liên kết giữa ngành Du lịch và các ngành Dịch vụ khác; Liên kết giữa ngành Du lịch với các ngành khác như công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, văn hóa, thể thao, ngoại giao, công an, giao thông vận tải hay nói gọn hơn là giữa du lịch với cả nền kinh tế - xã hội. Những ngành này chính là nguồn lực, điều kiện chung ảnh hưởng tới sự phát triển du lịch thông qua việc cung cấp các sản phẩm phục vụ ăn uống (nông nghiệp, thủy sản); phục vụ lưu trú, hàng lưu niệm (công nghiệp); hình thành các điểm và sự kiện du lịch (văn hóa, thể thao); thủ tục xuất nhập cảnh và sự an toàn tính mạng, của cải cho du khách (ngoại giao, công an); phục vụ đi lại của du khách (giao thông vận tải). Đó là những mối quan hệ biện chứng, có sự tác động qua lại, tương hỗ lẫn nhau thể hiện ở nhiều mặt như tiêu thụ, quảng bá sản phẩm cho Công nghiệp và Nông nghiệp; đóng góp một phần nguồn thu của mình cho việc tu bổ và bảo trì các công trình văn hóa, thể thao, cơ sở hạ tầng của Thành phố và bảo vệ môi trường.

Phát triển du lịch toàn diện, bền vững cũng cần chú ý đến việc liên kết giữa cơ quan quản lý đối với tổ chức và các doanh nghiệp trong hoạt động du lịch. Đối với cơ quan quản lý về du lịch hiện nay như Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Trung tâm xúc tiến du lịch Đà Nẵng thì đó là việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch cho thành phố; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, của các doanh nghiệp du lịch thông qua hệ thống pháp luật. Sự liên kết này không chỉ tạo cơ hội phát triển cho ngành Du lịch nói chung mà còn tạo ra cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường, kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch.

Liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch với nhau thể hiện trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ du lịch cho du khách. Do nhu cầu của du khách trong chuyến đi là đa dạng nên sự liên kết càng thể hiện rõ nét khi phục vụ du

khách, cần có sự kết hợp của nhiều doanh nghiệp độc lập khác nhau, nhiều địa phương khác nhau. Chính vì vậy, phát triển du lịch cần có liên kết hai chiều chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, các công ty lữ hành trong thành phố cũng như với các địa phương lân cận.

Liên kết giữa doanh nghiệp du lịch và du khách được xem hạt nhân của sự tồn tại và phát triển ngành Du lịch. Các doanh nghiệp luôn xác định rằng khách hàng là người nuôi sống doanh nghiệp. Muốn tồn tại, doanh nghiệp và du khách luôn có mối liên hệ hữu cơ. Sợi dây tạo nên tính liên kết đó chính là chất lượng sản phẩm, dịch vụ; chính sách quảng cáo, chăm sóc khách hàng thường xuyên được chú trọng.

Ngoài ra, việc liên kết giữa các địa phương với nhau trong việc xây dựng, hình thành các tour du lịch. Thông qua sự khảo sát, các tour du lịch ngắn ngày, dài ngày được hình thành. Sự liên kết thể hiện ở tuyến du lịch đó là lộ trình nối liền các điểm du lịch, khu du lịch, cơ sở ăn uống, lưu trú, vui chơi, giải trí để cùng khai thác những tiềm năng to lớn của con đường di sản miền Trung. Thời gian qua, ngành Du lịch thành phố Đà Nẵng cùng với Quảng Nam và Thừa - Thiên Huế đã ký kết một số văn bản ghi nhớ và thỏa thuận về liên kết, hợp tác phát triển du lịch, với mục tiêu phát triển chung là: “Ba địa phương, một điểm đến”. Các nội dung hợp tác chủ yếu về quy hoạch, kêu gọi đầu tư, hợp tác xúc tiến, quảng bá du lịch, hợp tác xây dựng sản phẩm du lịch; hợp tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ quản lý nhà nước về du lịch. Ba địa phương đã thống nhất các vấn đề liên kết phát triển như cùng hỗ trợ, tham gia các hoạt động sự kiện của từng địa phương, ...

Liên kết giữa du khách và công đồng dân cư thành phố cũng là vấn đề cần được quan tâm theo chiều hướng tích cực. Điểm chung giữa cộng đồng và du khách chính là sự giao lưu văn hóa. Du khách ngoài việc đem cái mới, cái lạ, mang nguồn tài chính tới đồng thời phải tuân thủ thực hiện những nội quy,

pháp luật thì đáp lại là sự chân thành, phục vụ tốt của cộng đồng địa phương. Nếu cộng đồng dân cư gây thiện cảm, ấn tượng cho du khách sẽ là nhân tố đảm bảo lòng trung thành, và hơn nữa chính du khách sẽ quảng bá cho du lịch địa phương. Sự liên kết này không chỉ có ý nghĩa cho cộng đồng địa phương mà còn đóng góp vào sự phát triển hòa nhập và mang văn hóa, hình ảnh của thành phố Đà Nẵng đến với thế giới.

Ngoài những liên kết trên, thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua còn liên kết với nhiều địa phương các nước bạn trong hành lang kinh tế Đông - Tây để mở rộng không gian du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch dọc tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, cải thiện thủ tục xuất nhập cảnh, trao đổi hợp tác, học hỏi kinh nghiệm của nước bạn về phát triển du lịch. Liên kết với Bangkok Thái Lan năm 2007, mở Hội chợ Du lịch tại thành phố Vladivostok của Nga trong năm 2008. Tuy nhiên, do bị giới hạn về vị trí địa lý cũng như địa giới hành chính nên hiệu quả liên kết du lịch chưa cao, ít nhiều còn mang tính hình thức.

Để phát triển ngành Du lịch ở Đà Nẵng hiện nay một cách toàn diện cần chú ý một số điểm sau:

Thứ nhất, xem trọng và phát huy tính liên kết để phát triển du lịch một cách toàn diện. Tính liên kết giữa các chủ thể trong PTDL ở Đà Nẵng hiện nay chưa thực sự bền chặt, chưa đi sâu vào trọng tâm, trọng điểm. Đó là những mặt hạn chế mà ngành du lịch hiện nay đang gặp phải. Phát huy được tính liên kết là cách giúp các ngành, các doanh nghiệp khai thác hợp lý nguồn lực con người và tiềm năng du lịch ở Đà Nẵng để PTDL bền vững.

Thứ hai, phát huy hiệu quả liên kết không gian du lịch trên con đường di sản miền Trung. Mặc dù đã được đề ra từ năm 2002 nhưng đến nay, sự liên kết giữa các địa phương miền Trung và Tây Nguyên vẫn còn lỏng lẻo, thiếu sự phối hợp đồng bộ. Nếu các doanh nghiệp liên kết và tìm ra tiếng nói chung

trong xây dựng, hoạch định chiến lược, chia sẻ kinh nghiệm và trách nhiệm .v.v. thì sự vận hành của ngành du lịch sẽ có những bước tiến xa hơn. Bên cạnh đó, cần mở rộng không gian du lịch sang các nước bạn theo hành lang kinh tế Đông - Tây để mở rộng không gian di sản thế giới qua các nước bạn Lào và Campuchia. Đó là xu thế chung, là một trong những nhân tố góp phần nâng cao sự hợp tác cùng có lợi, làm hạn chế tính cạnh tranh, điều này rất có lợi cho các doanh nghiệp đang trong quá trình hội nhập.

Thứ ba, chia sẻ và đóng góp trách nhiệm đối với xã hội, bảo vệ môi trường để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Với mục tiêu trở thành thành phố môi trường, việc phát triển du lịch gắn với mục tiêu bền vững là một chiến lược đúng đắn và cấp thiết hiện nay ở Đà Nẵng. Du lịch là tổng thể của tính đa ngành nên sự đóng góp của các doanh nghiệp đối với xã hội là không hề nhỏ. PTDL hiện nay phải hướng tới việc xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng, cho xã hội thông qua tạo công ăn việc làm cho lao động trực tiếp. Bên cạnh đó sự liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với địa phương, khách du lịch có ý nghĩa quan trọng tới trách nhiệm bảo vệ môi trường. Nếu địa phương ra sức bảo vệ môi trường mà doanh nghiệp và du khách thiếu ý thức, trách nhiệm thì sự ô nhiễm sẽ ngày một tăng kéo theo chất lượng cuộc sống của cộng đồng đi xuống.

Thứ tư, lựa chọn, đầu tư vào một số loại hình du lịch mũi nhọn để tạo bước đột phá trong PTDL. Nhiều người nhận xét, ở Đà Nẵng loại hình du lịch nào cũng có, tuy nhiên lại chẳng có loại hình nổi trội. Chẳng hạn như: Tắm biển là loại hình phát triển mạnh mẽ nhất song lại thiếu các hoạt động vui chơi giải trí ở khu vực bãi biển; vì chợ đêm cũng lèo tèo lại bị chận chếm nên không thu hút được khách du lịch; các sản phẩm làm quà lưu niệm cũng không có nét độc đáo, nổi bật. Không chỉ du khách từ nơi xa đến mà kể cả người Đà Nẵng khi muốn tặng quà cho bè bạn ở các nơi cũng khó mà tìm ra

một sản phẩm nào đó có mang biểu tượng của TP mình, hàng lưu niệm của Đà Nẵng lâu nay chủ yếu chỉ là đồ đá mỹ nghệ Non Nước, nhưng sản phẩm của làng đá được bày bán chưa quy hoạch rõ ràng, quản lý chưa nghiêm, các sản phẩm chưa thật tiện lợi để khách có thể mua về làm quà; Ẩm thực cũng chưa tạo ra được những đặc sản riêng cho Đà Nẵng... Vì vậy, vấn đề hiện nay là phải liên kết giữa các cấp quản lý, doanh nghiệp, người dân để du lịch phát triển theo chiều sâu. Tập trung đầu tư phát triển một số loại hình du lịch có thể mạnh như: Du lịch Biển; Du lịch Văn hóa - lễ hội; Du lịch Sinh thái, làm đòn bẩy cho quá trình phát triển nhanh và bền vững.

Như vậy, để phát triển toàn diện ngành Du lịch ở Đà Nẵng hiện nay, cần phải phát huy tính liên kết của Du lịch. Việc liên kết giữa chính quyền, các doanh nghiệp, các địa phương và các vùng, miền, khu vực trong hoạt động du lịch là một vấn đề mang tầm chiến lược. Liên kết giữa các chủ thể trong hoạt động du lịch sẽ nâng cao sức mạnh, tránh tụt hậu, cùng nhau phát triển là yêu cầu cấp bách hiện nay đối với du lịch Đà Nẵng nói riêng và ngành Du lịch nước ta nói chung để đạt được mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững.

b. Một số nét đặc thù của du lịch ở Đà Nẵng

Bên cạnh việc phát huy tính liên kết để PTDL ở Đà Nẵng thì việc vận dụng quan điểm toàn diện cũng đòi hỏi phải chú ý đến những mối liên hệ đặc thù của ngành Du lịch trong quá trình phát triển. Bởi vì, toàn bộ những mối liên hệ đặc thù và mối liên hệ phổ biến cùng tạo nên tính thống nhất trong tính đa dạng và tính đa dạng trong tính thống nhất của du lịch. Hơn nữa, đối với ngành Du lịch, những nét đặc thù, những sản phẩm khác biệt sẽ tạo nên sức hấp dẫn vô cùng lớn đối với du khách, là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển.

Trong những năm qua nhiều du khách đến thăm quan Đà Nẵng đều có chung một cảm nhận đó chính là sự khác biệt, nét đặc thù riêng đã tạo ra hấp

lực trong việc thu hút khách du lịch mọi nơi đến với Đà Nẵng. Không chỉ biết dựa vào những ưu thế do thiên nhiên mang lại, chính quyền và người dân thành phố Đà Nẵng đã tạo ra những sản phẩm có nét riêng biệt mà không phải địa phương nào cũng làm được. Theo chúng tôi, Đà Nẵng có nhiều điều ấn tượng mà không phải nơi nào cũng có, đó là: Những cuộc thi trình diễn pháo hoa quốc tế; những cây cầu độc đáo nối hai bờ sông Hàn; cáp treo lên núi Bà Nà nối biển rộng với núi cao; những bãi biển đẹp quyến rũ du khách; Bảo tàng Điêu khắc Chămпа độc nhất vô nhị... Những nét đặc thù này đã làm nên một thương hiệu khác biệt cho du lịch Đà Nẵng, nhiều người khi đến thăm quan Đà Nẵng đã định hình trong tâm thức là đến để chiêm ngưỡng mảnh đất của những kỷ lục, những điều khác biệt.

- Nét đặc thù cơ bản và cũng là niềm tự hào lớn nhất của người Đà Nẵng chính là những cây cầu độc đáo nối hai bờ sông Hàn. Hiện nay, dọc theo dòng sông Hàn thơ mộng đã lần lượt xuất hiện bảy cây cầu vô cùng độc đáo mới lạ, không chỉ giúp cho việc giao thông giữa đôi bờ sông Hàn trở nên thuận lợi hơn, mà còn là biểu tượng khẳng định sự vươn lên phát triển mạnh mẽ, năng động của một thành phố trẻ, đây cũng là những địa điểm thu hút rất đông khách du lịch thập phương đến tham quan, chiêm ngưỡng. Những cây cầu đã làm nên thương hiệu của thành phố biển Đà Nẵng như: Cầu Sông Hàn: Cầu quay duy nhất Việt Nam; Cầu Cẩm Lệ: Cầu đúc hẫng đầu tiên ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên; Cầu Thuận Phước: Bộ sưu tập những cái nhất về công nghệ làm cầu ở Việt Nam; Cầu Rồng: Bước đột phá về thiết kế mỹ thuật; Cầu Trần Thị Lý: Cầu đầu tiên của Việt Nam có sàn vọng cảnh.

- Bãi biển Mỹ Khê nằm trong dải các bãi biển được tạp chí Forbes bình chọn là bãi biển đẹp nhất hành tinh. Bãi biển có chiều dài khoảng chừng 900m, là một trong số các bãi tắm nhộn nhịp nhất của Đà Nẵng, rất quen thuộc với mọi người dân thành phố. Bãi tắm có thuận lợi là ở gần trung tâm

thành phố, không gian rộng, phong cảnh đẹp với đầy đủ dịch vụ có chất lượng: khách sạn, nhà hàng, giữ xe, tắm nước ngọt, cho thuê dù, phao bơi... Bãi tắm có khu biệt thự sang trọng hơn 100 phòng nằm sát biển, thích hợp cho những hộ gia đình, cơ quan đến nghỉ dưỡng, sinh hoạt cuối tuần.

- Có thể nói, Sông Hàn sở hữu một không gian lý tưởng để tổ chức các sự kiện lớn, lễ hội pháo hoa cũng không phải ngoại lệ. Người dân Đà Nẵng và du khách luôn được hội ngộ chiêm ngưỡng những màn pháo hoa lung linh, huyền ảo bên dòng sông Hàn thơ mộng mỗi dịp cuối tháng ba hàng năm. Qua 5 lần tổ chức, cuộc thi trình diễn pháo hoa quốc tế DIFC đã tạo được tiếng vang lớn và trở thành thương hiệu đặc trưng, độc đáo của du lịch Đà Nẵng. Trong những giờ phút mong chờ lễ hội pháo hoa, du khách thập phương còn được tham gia, thưởng thức nhiều lễ hội độc đáo khác dọc hai bên bờ sông Hàn như lễ hội ẩm thực, diễu hành thuyền hoa, thả hoa đăng trên sông Hàn, đua thuyền, triển lãm ảnh, tượng nghệ thuật dọc đường Bạch Đằng.

- Nằm ở số 2, đường 2/9, quận Hải Châu, Đà Nẵng, tọa lạc gần ngã ba 2 tuyến phố đẹp nhất thành phố Đà Nẵng, ngay ngã ba giao lộ Trưng Nữ Vương, Bạch Đằng và 2/9, đối diện với Trung tâm truyền hình Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng, Bảo tàng Nghệ thuật điêu khắc Chăm Đà Nẵng là bảo tàng trưng bày hiện vật Chăm quy mô nhất ở Việt Nam, trực thuộc Bảo tàng Đà Nẵng, có tổng diện tích 6.673 m², trong đó phần diện tích trưng bày là 2.000 m². Đây là bảo tàng do người Pháp xây dựng, chuyên sưu tập, cất giữ và trưng bày các di vật về nghệ thuật điêu khắc của vương quốc ChămPa tìm thấy ở các tháp, thành lũy Chăm tại các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ từ Hà Tĩnh tới Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên. Đến với Bảo tàng Nghệ thuật điêu khắc Chăm Đà Nẵng, mọi người có thể chiêm ngưỡng khoảng 500 món hiện vật nghệ thuật đang được trưng bày, chúng được phân chia theo các gian

phòng tương ứng với các khu vực địa lý nơi chúng được phát hiện gồm phòng Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Đồng Dương, Tháp Mẫm và các hành lang Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Quảng Bình và Bình Định.

- Bà Nà Hills được mệnh danh là "Lá phổi xanh" của miền Trung, là "Hòn ngọc về khí hậu" của Việt Nam... Nằm cách Đà Nẵng 25 km về phía Tây Nam ở độ cao 1487m so với mực nước biển. Bà Nà không chỉ có khí hậu trong lành, thời tiết bốn mùa trong một ngày mà còn nhiều thắng cảnh đẹp làm say đắm lòng người. Đến với Bà Nà, du khách có thể thu vào trong tầm mắt cảnh quan cả một vùng non xanh nước biếc từ vịnh Hàn, ngắm bán đảo Sơn Trà, ngắm mũi Cửa Khảm có yên ngựa Hải Vân, ngắm thành phố Đà Nẵng lung linh trong đêm với những ánh đèn uốn lượn theo vũ điệu đường phố.

Đến với Bà Nà hôm nay, du khách được tận hưởng cảm giác thú vị khi ngồi trên cabin cáp treo Bà Nà lơ lửng giữa lưng chừng mây, nhìn xuống bạt ngàn núi rừng để thưởng ngoạn cảnh vật của khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà. Ở độ cao gần 1.400m, ngồi trên cáp treo du khách sẽ tự mình chinh phục hai kỉ lục Guinness thế giới với độ dài 5.042,62m đó là kỷ lục về tuyến cáp treo 1 dây dài nhất thế giới, còn 1.291,81m là kỷ lục về độ cao chênh lệch giữa ga đi và ga đến lớn nhất thế giới. Ngày 29/3/2013 vừa qua, Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp Treo Bà Nà sẽ thông tuyến cáp thứ 3, đưa du khách đi thẳng từ chân núi lên đỉnh Bà Nà mà không phải qua điểm trung chuyển ở đồi Vọng Nguyệt. Đây sẽ là tuyến cáp treo phá kỷ lục Guinness thế giới so với tuyến cáp 1 và 2 trước đó với chiều dài 5.771,71m, độ cao chênh lệch giữa ga đi và ga đến là 1.368,93m. Đặc biệt, 86 cabin với công suất 10 người/cabin được thiết kế hời sẽ mang đến cho du khách những trải nghiệm cực kỳ thú vị. Việc đưa tuyến cáp thứ 3 vào hoạt động sẽ góp phần nâng công suất phục vụ của 2 tuyến cáp lên đến 3.000 khách/giờ. Giờ đây, cáp treo luôn là hình ảnh gắn liền với Bà Nà Hills, đưa nơi đây trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng cả nước và

là dấu ấn không thể thiếu trên bản đồ du lịch Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Trong phần giới thiệu ngắn gọn này, chưa thể trình bày hết những nét độc đáo, những điều ấn tượng hay những cái nhất của thành phố Đà Nẵng, nhưng với những yếu tố được xem là khác biệt, là độc đáo ấn tượng đã trình bày ở trên, không chỉ cho thấy sự ưu ái của thiên nhiên dành cho Đà Nẵng mà còn khẳng định tinh thần cần cù, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và hơn hết chính là quyết tâm của các cấp chính quyền và của người dân Đà Nẵng từng bước thực hiện những mục tiêu to lớn để sớm đưa Đà Nẵng trở thành một thành phố đáng sống. Phát triển những nét đặc thù, những sản phẩm khác biệt không chỉ nhằm đa dạng hóa các sản phẩm, loại hình để thu hút khách du lịch mà còn khẳng định hướng đi riêng của Đà Nẵng để hiện thực hóa quyết tâm đưa thành phố trở thành viên kim cương trên bản đồ du lịch của nước ta và thế giới.

c. Phát triển bền vững ngành Du lịch ở Đà Nẵng hiện nay phải mang tính kế thừa

Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, thì trong quá trình phát triển du lịch ở Đà Nẵng luôn phải đảm bảo nguyên tắc kế thừa. Với yêu cầu đó, ngành Du lịch ở Đà Nẵng cần phải kế thừa những nội dung sau:

Thứ nhất, học tập từ mô hình phát triển du lịch bền vững từ các nước đi trước. Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển du lịch ở Đà Nẵng, cần tham khảo các mô hình PTDL bền vững của các quốc gia đi trước nhằm rút kinh nghiệm để xây dựng mô hình phát triển phù hợp với thành phố. Một số quốc gia phát triển du lịch bền vững có nhiều thành công như: Mô hình du lịch bền vững của cộng đồng Châu Âu (ECOMOST); Thái Lan: Chương trình phát triển du lịch bền vững dựa vào cộng đồng; Hàn Quốc: Nâng cao sự hợp tác giữa chính quyền thành phố và cộng đồng địa phương trong phát triển du

lịch bền vững... Bên cạnh việc tham khảo các mô hình phát triển du lịch bền vững trên thế giới cũng cần học tập, rút kinh nghiệm từ các mô hình PTDL bền vững trong nước như: mô hình phát triển bền vững ở Rừng quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; kinh nghiệm PTDL bền vững ở thành phố ven biển như thành phố Vũng Tàu, Nha Trang... Trên cơ sở lý luận về PTDL bền vững và các mô hình phát triển DLBV, xây dựng một bộ tiêu chuẩn về PTDL bền vững phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, và môi trường của thành phố làm căn cứ để phát triển du lịch một cách bền vững trong thời gian tới.

Thứ hai, kế thừa và phát triển các mối quan hệ, liên kết trong nội bộ ngành Du lịch và giữa ngành Du lịch với các chủ thể khác để đảm bảo tính toàn diện trong quá trình phát triển du lịch.

Thứ ba, kế thừa các thành tựu du lịch Đà Nẵng đã đạt được trong giai đoạn 1997-2010. Trên cơ sở đó, đánh giá các mặt đã làm được và chưa làm được để xây dựng chiến lược PTDL phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, cần đi sâu vào một số loại hình du lịch tạo thành hạt nhân đột phá trong phát triển hiện nay như: Du lịch Biển; Du lịch sinh thái; Du lịch văn hóa - lễ hội.

Thứ tư, kế thừa và phát huy sự chung sức chung lòng của Chính quyền và nhân dân Thành phố trong xây dựng KT-XH nói chung và phát triển ngành Du lịch nói riêng. Đại hội lần thứ XX Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã chỉ ra rằng: cái được lớn nhất của Đà Nẵng thời gian qua chính là được lòng dân!. Vì vậy, trong những bước phát triển tiếp theo cần tiếp tục phát huy hơn nữa lợi thế này để PTDL một cách bền vững.

Tiểu kết chương 2

Sau khi trình bày tổng quan về thành phố Đà Nẵng, tác giả đã phân tích vị trí vai trò của ngành du lịch trong mối liên hệ với các ngành kinh tế, với văn hóa - xã hội và tài nguyên môi trường. Qua đó thấy được mối quan hệ biện chứng của du lịch với kinh tế, xã hội và môi trường đồng thời cũng phản ánh những ảnh hưởng ngày càng to lớn của du lịch trong quá trình phát triển của thành phố Đà Nẵng thời gian qua và những năm tới với mục tiêu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

Từ thực trạng phát triển du lịch ở Đà Nẵng trong những năm qua, chúng tôi đã đánh giá những thành tựu và hạn chế của du lịch đồng thời chỉ ra những nguyên nhân cơ bản của những hạn chế đó làm cơ sở cho việc PTBV du lịch trong thời gian đến.

Nội dung quan trọng nhất của chương 2 chính là việc vận dụng quan điểm toàn diện vào PTDL bền vững ở Đà Nẵng hiện nay. Du lịch ở Đà Nẵng đang đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn, để PTDL bền vững trong thời gian tới cần phải giải quyết những mâu thuẫn nội cộm hiện nay nhằm tạo động lực cho sự phát triển. Đồng thời, tác giả đi tới khẳng định: Vận dụng quan điểm toàn diện là điều kiện đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng hiện nay.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGÀNH DU LỊCH Ở ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH GIẢI PHÁP

3.1.1. Mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2020

a. Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung với vai trò là trung tâm dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về vận tải và trung chuyển hàng hoá trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính viễn thông và tài chính - ngân hàng; một trong những trung tâm y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ cao của miền Trung; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước.[12, tr. 88]

Đà Nẵng trở thành một thành phố du lịch với cơ sở vật chất hiện đại, là một trong những nơi có hệ thống vui chơi, giải trí hiện đại ở miền Trung và trong cả nước. Du lịch sẽ là một trong các ngành có mức đóng góp quan trọng vào GDP thành phố. [32].

b. Mục tiêu phát triển du lịch ở Đà Nẵng đến năm 2020

Tăng cường thu hút khách du lịch, số lượt khách đến với Đà Nẵng đến năm 2015 đạt khoảng 3,5 triệu lượt khách và đến năm 2020 đạt 8,1 triệu lượt khách, tốc độ tăng trung bình hàng năm giai đoạn 2011 - 2020 đạt 18,37%. Trong đó, khách quốc tế khoảng 700 ngàn lượt khách vào năm 2015 và 1,4 triệu lượt khách vào năm 2020.

Nâng cao nguồn thu nhập từ du lịch, Doanh thu chuyên ngành đạt 3,1 ngàn tỷ đồng vào năm 2015 và đến năm 2020 tăng lên đến 10,1 ngàn tỷ đồng.

Doanh thu xã hội đạt 7,75 ngàn tỷ đồng vào năm 2015 và đến năm 2020 tăng lên đến 24,7 ngàn tỷ đồng, đưa giá trị tăng thêm lĩnh vực du lịch vào năm 2010 đạt 1,5 ngàn tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 13,86 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,25% GDP của thành phố với tốc độ tăng bình quân đạt từ 17-18%/ năm.

Phát triển hệ thống cơ sở vật chất du lịch, điều tra, lập quy hoạch, đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hệ thống hiện có trên địa bàn thành phố. Nâng cấp các hệ thống và tuyển vận chuyên khách, cũng như các tuyến du lịch và hệ thống lưu trú nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng. Xây thêm nhiều điểm vui chơi công cộng, công viên du lịch để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân và du khách.

Tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, đến năm 2020 tạo thêm hơn 9 ngàn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho xã hội, trong đó, năm 2010 khoảng 5 ngàn việc làm phục vụ trực tiếp trong ngành du lịch, đến năm 2015 khoảng 6,7 ngàn việc làm phục vụ trực tiếp trong ngành du lịch.[32].

Dự báo một số chỉ tiêu phát triển du lịch đến năm 2020

Bảng 3.1. Dự báo doanh thu và GTTT lĩnh vực du lịch đến 2020

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2000	2005	2010	2015	2020	Tăng BQ (11-20) (%)
Doanh thu chuyên ngành	247,6	406,5	1.015	3.100	10.100	25,83
Doanh thu xã hội	544,72	894,3	2.640	7.750	24.745	25,08
GTTT DL giá CĐ	203,21	296,0	592,74	1.267,8	3.032,4	17,73
GTTT DL giá HH	295,46	469,86	1.504,8	4.340	13.857	
GTTT DV giá HH	2.567,2	5.223,5	14.392	33.906	83.429	
GDP theo giá HH	4.946,9	11.691	29.412	64.977	149.807	
Tỷ trọng GTTT DL/DV	11,51	9,0	10,46	12,8	16,61	
Tỷ trọng GTTT DL/GDP	5,97	4,02	5,12	6,68	9,25	

Bảng 3.2. Dự báo lượng du khách đến Đà Nẵng qua các năm

ĐVT: 1000 khách

Chi tiêu	2000	2005	2010	2015	2020	Tăng BQ (11-20)(%)
Tổng lượt khách	393,7	659,5	1500	3.500	8.100	18,37
Khách quốc tế	185,2	227,8	350	700	1.400	14,87
Khách trong nước	208,5	431,6	1.150	2.800	6.700	19,27

Bảng 3.3. Dự báo lượng khách quốc tế đến
và thời gian lưu trú tại Đà Nẵng qua các năm

Chi tiêu	ĐVT	2010	2015	2020
Khách quốc tế	10 ³ người	350	700	1.400
Tổng ngày khách quốc tế	10 ³ ngày	735	1.610	3.500
Thời gian lưu lại bình quân	ngày	2,1	2,3	2,5
Lượng khách trong nước	10 ³ người	1.150	2.800	6.700
Tổng ngày khách trong nước	10 ³ ngày	2.300	6.160	16.080
Thời gian lưu lại bình quân	ngày	2,0	2,2	2,4

3.1.2. Định hướng chung phát triển ngành Du lịch đến năm 2020

- Phát triển du lịch Đà Nẵng nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí của nhân dân, kiều bào và khách du lịch quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng. Xem phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tập trung đầu tư phát triển du lịch Đà Nẵng đồng bộ, đồng thời, chú ý trọng điểm nhằm tạo những bước đột phá, với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, tạo nền tảng phát triển mạnh các ngành dịch vụ sau năm 2010.

- Tranh thủ khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm đảm ứng yêu cầu phát triển.

- Phát triển du lịch trong mối quan hệ hữu cơ với các ngành kinh tế - kỹ thuật của thành phố, đồng thời, bảo đảm yêu cầu giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và môi trường. Phát triển du lịch với nhiều thành phần kinh tế tham gia trong sự thống nhất quản lý của nhà nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ việc khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh nhằm tạo ra và duy trì sản phẩm du lịch độc đáo, có chất lượng tốt.

- Du lịch là một lĩnh vực được ưu tiên, hướng đến mục tiêu trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, quy hoạch phát triển du lịch Đà Nẵng theo 3 hướng chính:

- + Du lịch biển, nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái.
- + Du lịch văn hoá, lịch sử, thắng cảnh, làng quê, làng nghề.
- + Du lịch công vụ, mua sắm, hội nghị - hội thảo” [32].

Có thể thấy rằng, các nhà hoạch định chính sách phát triển du lịch ở Đà Nẵng đã xây dựng ngành du lịch trong việc khai thác các thế mạnh của thành phố và có sự liên hệ đến không gian du lịch khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Trong đó, với vị trí nằm giữa ba di sản thế giới là cụm di tích Lăng tẩm và Đại nội Huế, phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn, đây là một trong những điều kiện hết sức thuận lợi cho Đà Nẵng để phát triển du lịch theo một hướng đi riêng. Đó là tận dụng những lợi thế về vị trí địa lý để quy hoạch du lịch kết hợp với “Con đường di sản miền Trung”.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP

3.2.1. Thay đổi nhận thức về phát triển du lịch theo hướng bền vững

- Thay đổi nhận thức trong việc quy hoạch, quản lý, điều hành và phát triển kinh tế trong đó có du lịch, để hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững cần có một tư duy tổng thể, một chiến lược lâu dài.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường một cách mạnh mẽ hơn nữa, đồng thời xử phạt nghiêm minh những hành vi tàn phá, hủy hoại môi trường.

- Chuyển hướng phát triển du lịch từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, hướng tới mục tiêu bền vững. Muốn vậy, cần thay đổi nhận thức, thay đổi tư duy trong quá trình xây dựng các đề án, chiến lược quy hoạch phát triển KT - XH của thành phố, phải có một cái nhìn toàn diện và dài hạn, tránh tư duy nhiệm kỳ, tránh tình trạng xem nặng lợi ích và thành tích trong phát triển du lịch để hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ môi trường rõ ràng và tổ chức tuyên truyền đến từng người dân. Thành lập đội vệ sinh môi trường chuyên làm nhiệm vụ vớt rong rêu, rác thải trên các tuyến sông và biển đảm bảo môi trường luôn sạch đẹp trong và ngoài khu du lịch. Thành lập đội quản lý an ninh trật tự nhằm xử lý kiên quyết các tình trạng chèo kéo, tranh giành khách.

- Từng bước xây dựng Đà Nẵng trở thành “Thành phố môi trường”

- Xây dựng nhà máy xử lý rác thải thay thế cho cách xử lý truyền thống như hiện nay để bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn tại các khu, điểm du lịch đông đúc.

- Phổ biến nhận thức về môi trường du lịch đến từng người dân thông qua trường học, địa phương, thông tin đại chúng,...

- Nâng cao nhận thức về lợi ích của phát triển du lịch cho cộng đồng qua nhiều hình thức tuyên truyền.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho các nhân viên làm du lịch thường xuyên tiếp xúc với khách du lịch (Hải quan, an ninh cửa khẩu, hướng dẫn viên, nhà hàng và các cơ sở dịch vụ khác).

- Phát huy vai trò của Đội an ninh trật tự và Vệ sinh môi trường tại các bãi biển du lịch Đà Nẵng, Đội trật tự du lịch giữ gìn trật tự tại các bãi biển và khu vực trung tâm thành phố, các điểm tham quan để Đà Nẵng thành điểm đến an toàn và thân thiện cho du khách.

- Song song với việc khai thác du lịch tại Bán đảo Sơn Trà và Bà Nà, công tác giữ gìn môi trường sinh thái, hệ thực vật và động vật cần được chú trọng hơn nữa.

- Nâng cấp chương trình “Biển xanh” để tuyên truyền cho người dân về môi trường du lịch. Giáo dục nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, nhân dân về vị trí, vai trò, triển vọng phát triển và hiệu quả kinh tế xã hội của du lịch. Tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động để tập trung đầu tư cho phát triển du lịch.

3.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Du lịch

Để phát triển NNL du lịch cần thực hiện những giải pháp sau:

*** Về công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch**

- Các trường đào tạo du lịch trên địa bàn TP cần tiếp tục mở rộng các ngành nghề đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn Thành phố cũng như phối hợp với các địa phương lân cận để định hướng đào tạo nhân lực cho du lịch.

- Nâng cao chất lượng NNL du lịch phải được xem là khâu đột phá trong phát triển nhân lực cho du lịch. Chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào nhiều nhân tố như: trình độ nguồn nhân lực, thể chất, đạo đức, kỹ năng, văn

hóa công sở, tác phong nghề nghiệp... do đó muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch thì cần quan tâm phát triển toàn diện NNL trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

- Các cơ sở đào tạo về nhân lực trên địa bàn Đà Nẵng cần có biện pháp đào tạo đội ngũ giảng viên chất lượng cao, đồng thời, cần có các chính sách nhằm thu hút đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn. Phối hợp với các cơ sở đào tạo lớn, khoa du lịch của các trường đại học lớn trong nước, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho lao động của các đơn vị quản lý khu, điểm du lịch, khách sạn, nhà hàng, công ty du lịch trên địa bàn TP Đà Nẵng.

- Kết hợp đào tạo dưới nhiều hình thức, đào tạo lại, đào tạo mới, đào tạo chính quy, hoặc gửi đi học ở nước ngoài, cũng có thể bồi dưỡng thường xuyên nhiều khóa học ngắn hạn và cần phải xác định yêu cầu đối với từng loại lao động để đưa ra được nội dung đào tạo cho hợp lý.

*** Đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch**

- Tổ chức liên kết giữa nhà trường với các công ty du lịch, tạo các khóa học thực tế, tổ chức các cuộc thi, sân chơi cho đội ngũ nhân viên cũng như giáo viên du lịch, có những giải thưởng để nâng cao tính hăng hái của nhân viên cũng như cán bộ quản lý.

- Bên cạnh việc coi trọng đào tạo kiến thức, để có một đội ngũ nhân lực du lịch toàn diện cần chú trọng đào tạo về các kỹ năng như: giao tiếp, thuyết trình, phục vụ, kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ... Đây là những lỗ hổng lớn đối với sinh viên mới ra trường. Vì vậy, phải có sự liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nhân lực du lịch, để sinh viên sau khi được đào tạo có thể thích ứng ngay được yêu cầu của vị trí công việc mà không phải mất thời gian đào tạo lại.

- Cần tạo điều kiện cho các nhà quản lý cũng như nhân viên tiếp tục học tập nâng cao trình độ khi công việc có yêu cầu cao hơn về trình độ học vấn

hay trình độ nghiệp vụ. Bên cạnh đó, cũng cần thường xuyên tìm hiểu về công tác quản lý nhân sự, công tác đào tạo nhân lực, tổ chức các chương trình du lịch, giao lưu, trao đổi, học tập... các doanh nghiệp ở những địa phương trong nước và nước ngoài đã có nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.

*** Công tác quản lý liên kết vùng du lịch**

- Rà soát đánh giá số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp.

- Huy động đa dạng các nguồn kinh phí cho công tác đào tạo (ngân sách trung ương, địa phương, tài trợ trong và ngoài nước). Đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức thông qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Thành phố tổ chức và cử cán bộ chuyên viên tham gia các khóa học về du lịch ở trong và ngoài nước.

- Sờ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề du lịch tổ chức các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ quản lý nhà nước về du lịch và cán bộ, nhân viên trong các đơn vị kinh doanh du lịch nhằm nâng cao khả năng lãnh đạo, điều hành, kiến thức nghiệp vụ theo kịp tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Xây dựng Website về nguồn nhân lực du lịch để cung cấp những thông tin lao động trong ngành.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, liên kết với các cơ sở đào tạo du lịch ở nước ngoài trong việc trao đổi, tập huấn công tác làm du lịch.

3.2.3. Đẩy mạnh liên kết vùng, miền và khu vực

* *Đối với chính quyền các tỉnh, thành phố* trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên, trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, tiềm năng, thế mạnh và nét

đặc thù của mỗi địa phương để xây dựng chiến lược liên kết chung cho toàn vùng. Cần quán triệt tính đa dạng trong thống nhất khi tiến hành liên kết.

- Coi trọng tính đa dạng chính là khi xây dựng các đề án, chiến lược cần căn cứ trên cơ sở chiến lược phát triển du lịch của cả nước, nhưng đồng thời cần chú ý tránh sự trùng lặp, sao chép, trong mô hình và các sản phẩm du lịch. Những mô hình, sản phẩm là nét riêng biệt, là thế mạnh của mỗi địa phương cần được coi trọng phát huy. Tránh tình trạng các sản phẩm du lịch của toàn vùng đều na ná, tựa như nhau sẽ dẫn đến sự đơn điệu, nhàm chán cho hoạt động du lịch. Để đảm bảo được yêu cầu này, trong công tác quy hoạch du lịch Chính quyền các cấp có liên quan ở thành phố Đà Nẵng cần tham khảo, những đề án chiến lược của các địa phương khác để tránh sự trùng lặp, sao chép.

Hoàn thiện chiến lược phát triển du lịch của thành phố trên cơ sở mục tiêu chiến lược chung của du lịch cả nước. Đồng thời, xác định tính liên vùng trong du lịch. Hình thành nên một khu vực chung về du lịch, tạo ra sự hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

- Tính thống nhất trong liên kết thể hiện ở chỗ: cần có sự hợp tác sâu rộng trong huy động các nguồn lực; liên kết trong công tác triển khai các chương trình, các tour du lịch, kết nối các sự kiện, các lễ hội riêng của mỗi địa phương tạo ra chuỗi sự kiện du lịch nhằm thu hút tối đa các nguồn khách; công tác quảng bá hình ảnh, đặc biệt là quảng bá cho hình ảnh “Con đường di sản thế giới miền Trung”; liên kết trong thu hút đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động du lịch, quan trọng nhất là xây dựng hệ thống giao thông thuận tiện giữa các địa phương; và một vấn đề nữa chính là sự liên kết trong công tác kiểm tra, giám sát, thực thi các quy định, tiêu chuẩn của ngành, trong việc trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quản lý, điều hành để cùng phát triển.

Triển khai, thực hiện kịp thời các chủ trương của Chính phủ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục du lịch và của địa phương về phát triển du lịch thành phố. Lập kế hoạch PTDL trên cơ sở chiến lược ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cũng như trên cơ sở cấp phép cho các tổ chức, các công ty, khu resort, dự án du lịch trên địa bàn thành phố.

- Ngoài liên kết vùng, miền, thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới cần tiếp tục mở rộng liên kết với nhiều địa phương các nước bạn trong hành lang kinh tế Đông - Tây để phát triển không gian du lịch. Trong đó, vai trò của các cấp chính quyền thành phố là hết sức to lớn.

** Đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cần chú ý đến những giải pháp sau:*

- Cần tập trung xây dựng những sản phẩm du lịch một cách đa dạng, gắn với những sản phẩm du lịch thế mạnh của từng vùng.

- Xây dựng những sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của từng vùng phù hợp với thế mạnh của địa phương mình. Chẳng hạn như đối với Đà Nẵng hiện nay, cần tập trung phát triển các loại hình du lịch biển; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch MICE; phát triển Đà Nẵng trở thành một thành phố du lịch, là trung tâm dịch vụ du lịch cũng như là một đầu mối trung chuyển khách trong nước và quốc tế trên con đường đi sân thế giới miền Trung.

- Liên kết các doanh nghiệp lân cận trong việc xây dựng các tour du lịch, tuyến du lịch và rộng hơn nữa là khu vực du lịch.

- Liên kết trong việc học tập kinh nghiệm lẫn nhau giữa các doanh nghiệp, các công ty du lịch của thành phố Đà Nẵng và các địa phương lân cận...

3.2.4. Xây dựng kết cấu hạ tầng để ngành Du lịch phát triển bền vững

- Triển khai nhanh các dự án du lịch trên địa bàn thành phố nhằm đồng bộ các khu du lịch, cung cấp cơ sở lưu trú chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu du khách.

- Dành thêm diện tích đất trong các quy hoạch để phát triển các công viên tạo thêm những mảng xanh cho thành phố.

- Rà soát và thẩm định lại cơ sở lưu trú theo đúng quy định về tiêu chuẩn lưu trú góp phần duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ trong các cơ sở lưu trú du lịch.

- Nâng cao chất lượng phục vụ, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên tại các cơ sở lưu trú.

- Phân hạng và công bố các khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khu mua sắm đạt tiêu chuẩn trên các kênh quảng cáo, thông tin, tuyên truyền. Nâng cấp chất lượng các khách sạn, nhà nghỉ bình dân hiện đang hoạt động và ngưng cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở lưu trú theo hình thức này để đồng bộ hệ thống cơ sở lưu trú phù hợp với thành phố du lịch hiện đại, ngăn chặn các tệ nạn xã hội do hoạt động du lịch tạo ra.

- Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng và cải tạo mạng lưới cấp điện cho các khu đô thị và du lịch. Cung cấp đầy đủ nước sạch đáp ứng yêu cầu của du lịch. Mở rộng, cải tạo hệ thống thoát nước.

3.2.5. Phối hợp đồng bộ các chủ thể trong mô hình phát triển du lịch bền vững

Xuất phát từ quan điểm toàn diện, việc phối hợp đồng bộ các chủ thể trong mô hình phát triển du lịch bền vững là một giải pháp cơ bản để đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

Một là, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố để phát triển du lịch. Cần phối hợp giữa các sở, ban, ngành của thành phố để đảm bảo giải quyết các mặt trong quá trình phát triển du lịch một cách tối ưu nhất.

Hai là, phối hợp chặt chẽ giữa sở văn hóa – thể thao – du lịch và trung tâm xúc tiến du lịch, hiệp hội du lịch để phát triển du lịch. Cần có sự phối

hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác xúc tiến và phát triển du lịch của thành phố.

Ba là, phối hợp giữa các công ty, doanh nghiệp lữ hành, kinh doanh du lịch trong tìm kiếm thị trường, quảng bá hình ảnh, học hỏi kinh nghiệm...

Bốn là, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng... trong quá trình mở rộng không gian du lịch ra các vùng, miền, địa phương ở miền Trung - Tây Nguyên cũng như trong khu vực hành lang kinh tế Đông - Tây và thế giới.

Năm là, Phối hợp đồng bộ các giải pháp để phát triển du lịch một cách toàn diện hướng tới mục tiêu PTDL bền vững.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đối với Bộ Xây dựng

- Sớm triển khai các dự án đã quy hoạch tại Đà Nẵng trong đó có dự án di dời nhà Ga tàu hỏa ra khỏi nội thành thành phố.

Đối với bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch

- Cần xây dựng một bộ tiêu chuẩn thống nhất về du lịch bền vững, lấy đó làm nền tảng hình thành các tiêu chuẩn phù hợp với đặc thù của mỗi địa phương.

Đối với UBND thành phố Đà Nẵng

- Cần tiến hành thành lập cơ quan chuyên trách quản lý môi trường du lịch để quản lý, khai thác và bảo tồn tài nguyên, môi trường du lịch.

- Xây dựng và sớm đưa vào hiện thực các quy tắc trong việc xây dựng thành phố môi trường. Phổ biến sâu rộng cho các cấp, các ngành và người dân Thành phố.

- Tiếp tục hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho các hoạt động quảng cáo, xúc tiến du lịch thành phố đến với các du khách trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải, trước mắt là nhà máy xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố để thay thế cho bãi rác hiện tại đang xử lý theo phương thức truyền thống.

Đối với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Đà Nẵng:

- Tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược cho phát triển du lịch bền vững.

- Xây dựng một chế tài cụ thể trong việc xử phạt hành vi đeo bám, chèo kéo khách du lịch.

- Tư vấn cho các sở Kế hoạch và Đầu tư về việc quy hoạch du lịch để phát huy tiềm năng của tài nguyên du lịch nhưng phải đảm bảo yêu cầu bền vững.

Tiểu kết chương 3

Từ cơ sở mục tiêu, định hướng phát triển du lịch ở Đà Nẵng đến năm 2020, tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản nhất để PTDL một cách bền vững trong giai đoạn hiện nay. Các giải pháp đưa ra có sự liên hệ chặt chẽ đến cơ sở lý luận trong chương 1, thực trạng PTDL và những vấn đề đặt ra cho du lịch ở Đà Nẵng hiện nay trong chương 2. Xuất phát từ quan điểm toàn diện, tác giả đặc biệt nhấn mạnh "giải pháp phối hợp đồng bộ các chủ thể trong mô hình PTDL bền vững ở Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay" là giải pháp cơ bản nhất để đạt được mục tiêu PTDL bền vững.

KẾT LUẬN

Là một vùng đất giàu truyền thống yêu nước, đi đầu trong kháng chiến chống ngoại xâm. Kế tục và phát huy truyền thống đó, Chính quyền và nhân dân thành phố Đà Nẵng với tinh thần cần cù, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm đang từng ngày, từng giờ thực hiện quyết tâm xây dựng Thành phố trở thành một đô thị kiểu mẫu, một Thành phố đáng sống, Thành phố môi trường. Với việc xác định, du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, ngành Du lịch của Thành phố cũng đang từng bước phát triển theo hướng trở thành trung tâm du lịch của khu vực miền Trung và cả nước. Để đạt được những mục tiêu to lớn đó, cần quán triệt quan điểm toàn diện nhằm phát triển nhanh và bền vững KT-XH nói chung và ngành Du lịch nói riêng.

Nghiên cứu đề tài: *“Quan điểm toàn diện của triết học với vấn đề phát triển bền vững ngành Du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay”*. Sau quá trình nghiên cứu tài liệu, số liệu, có sự liên hệ với thực tế, Luận văn đã tập trung giải quyết những vấn đề sau:

1. Hệ thống hóa một cách chọn lọc về cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện cũng như vấn đề phát triển du lịch bền vững trong sự liên hệ với thực tế ở Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng.

2. Trình bày và phân tích thực trạng phát triển Du lịch ở Đà Nẵng trong thời gian qua. Đánh giá những ưu, nhược điểm và nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình PTDL. Từ đó, vận dụng quan điểm toàn diện vào phát triển du lịch nhằm đảm bảo tốt nhất cho ngành Du lịch ở Đà Nẵng phát triển theo hướng bền vững.

3. Trình bày các giải pháp và kiến nghị, đề xuất cho việc phát triển ngành Du lịch ở Đà Nẵng theo hướng bền vững.

Với việc nghiên cứu đề tài này, chúng tôi mong muốn mang đến cho các cấp lãnh đạo, quản lý của thành phố những đánh giá cơ bản nhất về thành tựu và hạn chế của ngành Du lịch ở Đà Nẵng hiện nay. Từ đó, đưa ra một số giải pháp phù hợp để phát triển ngành du lịch thành phố Đà Nẵng theo định hướng bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ph. Ăng-ghe-n (2004), *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Ph. Ăng-ghe-n (1976), *Lút-víc Phoi-ơ- bắ-c và sự cáo chung triết học cổ điển Đức*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội.
- [3] Ph. Ăng-ghe-n (1984), “*Chống Duy-rinh*”, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
- [5] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2012), *Báo cáo tổng hợp chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến 2020, tầm nhìn 2030*, Hà Nội.
- [6] Văn Hữu Chiến (2011), “Định hướng liên kết phát triển Du lịch giữa Đà Nẵng với các tỉnh Duyên hải miền Trung”, *Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, Số 24/2011, Tr 45-47.
- [7] Nguyễn Tấn Dũng (2011), “*Phát triển nhanh và bền vững là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển KT-XH của đất nước ta*” <http://baodientu.chinhphu.vn>, Truy cập ngày 4/2/2013.
- [8] Nguyễn Tiến Dũng (2009), *Lịch sử triết học Phương Tây*, Nxb Văn Nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XVIII*, Đà Nẵng.
- [11] Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XIX*, Đà Nẵng.
- [12] Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2010), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XX*, Đà Nẵng.

- [13] Nguyễn Hồng Giáp (2002), *Kinh tế du lịch*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [15] Trần Thị Hồng Lan (2010), "Vai trò của các chủ thể tác động đến phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng", *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Tập 4(101), Tr. 85-91.
- [16] V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17] V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [18] Trần Du Lịch, Hồ Kỳ Minh (2011), "Liên kết phát triển Du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung", *Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, Số 24/2011, Tr 23-20.
- [19] Nguyễn Thị Như Liêm, Hoàng Thanh Hiền (2010), "Thực trạng và một số giải pháp nhằm phát triển du lịch Đà Nẵng", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng số 5(40)* 2010.
- [20] Luật du lịch Việt Nam 2005, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [21] Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, Hà Nội.
- [22] Trần Hồng Lưu (2011), "Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước", *Kỷ yếu HTKH Phát triển nguồn nhân lực cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung* . Đà Nẵng-12/2011, Tr 73-81.
- [23] C. Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [24] C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [25] C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [26] Trần Văn Mậu (2001), *Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [27] Hồ Kỳ Minh (2011), *Phát triển bền vững ngành du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020*, Đề tài khoa học, Viện nghiên cứu phát triển KT-XH, Đà Nẵng.
- [28] Trần Nhạn (1996), *Du lịch và kinh doanh du lịch*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1996.
- [29] Trương Sỹ Quý (2011), “Liên kết trong xúc tiến và quảng bá Du lịch giữa các địa phương vùng Duyên hải miền Trung”, *Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, Số 24/2011, Tr 38-44.
- [30] Hà Văn Siêu - Đào Duy Tuấn (2011), “Quy hoạch phát triển các tỉnh Duyên hải miền Trung trong liên kết phát triển bền vững”, *Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, Số 24/2011, Tr 32-37.
- [31] Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Đà Nẵng (2010), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020*, Đà Nẵng.
- [32] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đà Nẵng (2011), *Quy hoạch tổng thể phát triển Văn hóa - Thể thao - Du lịch thành phố Đà Nẵng đến 2020*, Đà Nẵng.
- [33] Đinh Ngọc Thạch (1999), *Triết học Hy Lạp Cổ đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [34] Trương Bá Thanh, Trần Duy Thọ (2012), “Phát triển Du lịch bền vững và bảo vệ môi trường các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung”, Kỳ yếu HTKH trong khuôn khổ dự án TRIG *Phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và Tây Nguyên gắn với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế*, Đà Nẵng - 6/2012, Tr 237-242.

- [35] Nguyễn Kim Thành (2010), *Đà Nẵng thành phố bên sông Hàn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [36] Nguyễn Hữu Thông, Trần Đức Anh Sơn (2011), “Một số vấn đề về phát triển Du lịch văn hóa ở các tỉnh Duyên hải miền Trung”, *Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, Số 24/2011, Tr 55-60.
- [37] Nguyễn Thị Bích Thủy (2011), “Một số vấn đề chiến lược để phát triển du lịch bền vững cho Đà Nẵng”, *Kỷ yếu HTKH Phát triển nhanh và bền vững kinh tế-xã hội khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên*, Đà Nẵng - 9/2011, Tr 546-556.
- [38] Hồ Sĩ Vĩnh (1999), *Văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [39] Nguyễn Hữu Vui (2007), *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [40] Dương Vũ (2000), “*Phát triển du lịch trong tầm nhìn mới*”, *Tạp chí Cộng sản*, (20), tr.42-46.
- [41] <http://ktxh.danangcity.gov.vn/> Truy cập ngày 5/3/2013.
- [42] <http://vi.wikipedia.org/wiki/Dulich>, Truy cập ngày 7/12/2012
- [43] <http://www.baomoi.com/Chuyen-nam-khong-ba-co-o-Da-Nang>, Truy cập ngày 3/2/2012.

